

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC
ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG
THẨM ĐỊNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

Giáo viên hướng dẫn : Th.s Trần Thị Thùy Linh

Sinh viên thực hiện : Trần Thu Hà

Mã sinh viên : A16253

Chuyên ngành : Ngân hàng

HÀ NỘI – 2013

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Trần Thị Thùy Linh, người đã định hướng đề tài và tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp này.

Bên cạnh đó, em cũng xin được cảm ơn các thầy cô giáo trong Bộ môn Kinh tế nói riêng và các bộ môn khác nói chung của Trường Đại học Thăng Long, đã giảng dạy và cung cấp cho em những kiến thức từ căn bản đến nâng cao trong từng môn học. Đây chính là cơ sở để em bám sát và vận dụng trong quá trình thực hiện khóa luận.

Đồng thời, em cũng gửi lời cảm ơn đến cán bộ nhân viên của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, đặc biệt là các cô chú, anh chị làm việc tại Phòng Thẩm định dự án, đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho em được tiếp xúc với hoạt động đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Hội sở chính của Ngân hàng.

Do trình độ và kiến thức chuyên môn cũng như thực tế của em còn hạn chế nên trong nội dung phân tích, các đánh giá và giải pháp mang tính chủ quan, không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được các góp ý từ các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thu Hà

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN CỦA NGÂN HÀNG.....1

1.1. Hoạt động thẩm định dự án tại ngân hàng.....1

1.1.1. Khái niệm chung 1

1.1.2. Sự cần thiết của hoạt động thẩm định dự án..... 1

1.1.3. Hoạt động thẩm định các dự án xin vay vốn tại ngân hàng.....2

1.2. Đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án4

1.2.1. Khái niệm rủi ro 4

1.2.2. Rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án 4

1.2.3. Các loại rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án..... 4

1.2.4. Sự cần thiết của việc đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại..... 6

1.3. Chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án6

1.3.1. Khái niệm chất lượng công tác đánh giá rủi ro..... 6

1.3.2. Sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án..... 7

1.3.3. Các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án 8

1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án..... 8

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM.....12

2.1. Khái quát chung về Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.....12

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển..... 12

2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh 14

2.2. Thực trạng công tác thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.....	18
<i>2.2.1. Quy trình thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng.....</i>	<i>18</i>
<i>2.2.2. Những kết quả trong hoạt động thẩm định dự án của Ngân hàng</i>	<i>20</i>
<i>2.2.3. Những khó khăn trong hoạt động thẩm định dự án của Ngân hàng</i>	<i>21</i>
2.3. Thực trạng chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.....	22
<i>2.3.1. Quy trình đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định các dự án đầu tư tại Ngân hàng.....</i>	<i>22</i>
<i>2.3.2. Các phương pháp phân tích rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án tại Ngân hàng</i>	<i>23</i>
<i>2.3.3. Nội dung đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án của Ngân hàng.....</i>	<i>27</i>
<i>2.3.4. Nghiên cứu tình huống về đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án cho vay đối với Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử.....</i>	<i>34</i>
2.4. Đánh giá chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng.....	45
<i>2.4.1. Những kết quả đạt được</i>	<i>45</i>
<i>2.4.2. Những tồn tại còn thiếu.....</i>	<i>46</i>
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM.....	49
3.1. Mục tiêu định hướng hoạt động tín dụng năm 2013	49
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.....	51
<i>3.2.1. Giải pháp về thông tin</i>	<i>51</i>
<i>3.2.2. Giải pháp về cán bộ cả về số lượng và chất lượng</i>	<i>52</i>
<i>3.2.3. Đẩy mạnh công tác hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro</i>	<i>53</i>
<i>3.2.4. Đa dạng hóa các phương pháp phân tích rủi ro.....</i>	<i>54</i>
<i>3.2.5. Cải thiện về cơ sở vật chất, hạ tầng và trình độ công nghệ.....</i>	<i>54</i>
KẾT LUẬN	55
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	56

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt

CBCNV

CBTD

CBTĐ

CN

DN

HĐQT

QTRR

TMCP

TNHH

VCSH

Tên đầy đủ

Cán bộ công nhân viên

Cán bộ tín dụng

Cán bộ thẩm định

Chi nhánh

Doanh nghiệp

Hội đồng quản trị

Quản trị rủi ro

Thương mại cổ phần

Trách nhiệm hữu hạn

Vốn chủ sở hữu

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Trang

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Techcombank	14
Bảng 2.2. Tình hình huy động vốn của Techcombank	15
Bảng 2.3. Các loại xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp, tổ chức	29
Bảng 2.4. Các loại xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân	32
Bảng 2.5. Bảng kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử	36
Bảng 2.6. Bảng tình hình tài chính của Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử.....	37
Bảng 2.7. Bảng tính các chỉ tiêu khi doanh thu thay đổi	44
Bảng 2.8. Bảng tính các chỉ tiêu khi chi phí thay đổi	44
Bảng 3.1. Kế hoạch tăng trưởng dư nợ cho vay năm 2013	50
Biểu đồ 2.1. Dư nợ cho vay theo ngành nghề của Techcombank	17
Biểu đồ 2.2. Cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm của Techcombank năm 2012....	17
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Techcombank.....	12
Sơ đồ 2.2. Quy trình thẩm định dự án.....	19
Sơ đồ 2.3. Quy trình xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp, tổ chức.....	27
Sơ đồ 2.4. Quy trình xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân	31
Sơ đồ 3.1. Quy trình đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án.....	53

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Đầu tư là một hoạt động cần thiết nhằm đảm bảo cho việc tồn tại và phát triển không ngừng của xã hội. Muốn có sự phát triển thì tất cả mọi quốc gia, doanh nghiệp hay công ty đều phải tiến hành đầu tư. Có thể nói, nhờ có hoạt động đầu tư mà mọi lĩnh vực được phát triển cả về chất và lượng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Các dự án chính là cầu nối giữa hoạt động đầu tư với hiện thực. Thông qua dự án mà các ý tưởng đầu tư được thực hiện. Như vậy, dự án đầu tư có vai trò quyết định việc thực hiện các hoạt động đầu tư. Thẩm định dự án đầu tư là một khâu trọng yếu trong quá trình chuẩn bị đầu tư cũng như ra quyết định đầu tư hay tài trợ dự án đầu tư.

Trên góc độ của ngân hàng, tổ chức trung gian tài chính, hoạt động thẩm định dự án là khâu quan trọng trong việc cấp tín dụng. Hoạt động này chứa vô số những rủi ro khác nhau, xuất phát từ rất nhiều yếu tố và có thể dẫn đến việc người vay không trả được nợ khi đến hạn, làm cho ngân hàng bị phá sản, gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho toàn bộ nền kinh tế.

Trước tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, việc quản lý rủi ro tín dụng là vấn đề cấp thiết của các ngân hàng, trong đó phải kể đến công tác đánh giá rủi ro trong quá trình thẩm định dự án cho vay. Với mong muốn tìm hiểu sâu hơn công tác đánh giá rủi ro trong quá trình thẩm định dự án cho vay, tác giả đã quyết định chọn đề tài: **“Nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam”**.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu những cơ sở lý luận chung về chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong quá trình thẩm định dự án tại các ngân hàng thương mại.
- Nghiên cứu thực trạng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
- Đề xuất những giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Hội sở chính của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
- Phạm vi nghiên cứu: giai đoạn 2010-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong quá trình thực hiện khóa luận bao gồm: phương pháp phân tích, tổng hợp và nghiên cứu tình huống.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án của ngân hàng.

Chương 2: Thực trạng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN CỦA NGÂN HÀNG

1.1. Hoạt động thẩm định dự án tại ngân hàng

1.1.1. Khái niệm chung

Bất kỳ một dự án đầu tư nào đều liên quan đến một thực tế trong tương lai nên nó mang tính phỏng định và có chứa một độ bất định. Thêm nữa, một dự án thường do chủ dự án lập hoặc thuê các tư vấn lập trên cơ sở các ý đồ kinh doanh và mong muốn của chủ dự án. Do vậy, dự án đầu tư không tránh khỏi tính chủ quan của người soạn thảo, bị bỏ sót một số khía cạnh liên quan. Thực tế cũng không tránh khỏi trường hợp như khách hàng vì muốn được vay vốn ngân hàng có thể đã thổi phồng và dẫn đến kết quả ước lượng quá lạc quan về hiệu quả kinh tế của dự án.

Bên cạnh đó, quyết định đầu tư hay tài trợ một dự án là một quyết định dài hạn, đòi hỏi lượng vốn lớn, thời gian hoàn trả vốn dài, chịu ảnh hưởng và chi phối bởi nhiều yếu tố thị trường nên chủ dự án và nhà tài trợ cần xem xét, đánh giá kỹ càng trước khi ra quyết định. Hơn nữa, dự án đầu tư trước khi được thực hiện còn liên quan và ảnh hưởng tới lợi ích của nhiều bên liên quan nên nó cần được xem xét từ nhiều phía để thấy được lợi ích thực sự do dự án đầu tư đem lại cho các bên, cho xã hội.

Thẩm định dự án cho đầu tư là quá trình rà soát, kiểm tra lại một cách khoa học, khách quan và toàn diện mọi nội dung của dự án và liên quan đến dự án nhằm khẳng định tính hiệu quả cũng như tính khả thi của dự án trước khi quyết định đầu tư.

Đây là một quá trình kiểm tra, đánh giá nội dung dự án mang tính chất độc lập và tách biệt với quá trình soạn thảo dự án. Thẩm định dự án đã tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đầu tư có hiệu quả, tránh được những rủi ro trước mắt hay có những biện pháp phòng ngừa rủi ro.

1.1.2. Sự cần thiết của hoạt động thẩm định dự án

– Đối với nhà đầu tư

Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được thì luôn phải có những kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng đắn. Chủ đầu tư là người biết rõ nhất dự án đầu tư của mình, nắm được những điểm mạnh và điểm yếu, cơ hội và thách thức mình phải đối mặt. Từ đó, họ thường xây dựng và đưa ra các phương án khác nhau. Điều đó có nghĩa là có nhiều dự án khác nhau được đưa ra, việc chọn lựa dự án nào là một vấn đề khá khó khăn trước sự cạnh tranh của các đối thủ, xu hướng thị trường thay đổi,

tình hình kinh tế chính trị biến động. Thông qua thẩm định dự án, nhà đầu tư có thể chọn ra phương án tối ưu nhất, phù hợp nhất với hoàn cảnh của doanh nghiệp dựa trên tiêu chí mà họ định ra.

– Đối với ngân hàng

Dự án đầu tư thường là những khoản đầu tư cần có vốn lớn, thời gian kéo dài nên các doanh nghiệp thường tìm đến các ngân hàng thương mại để xin vay vốn. Nhưng không phải khoản vay nào ngân hàng cũng chấp nhận. Ngân hàng chỉ cho vay khi biết chắc chắn vốn vay được sử dụng đúng mục đích, mang lại lợi nhuận cho cả doanh nghiệp và ngân hàng. Chính vậy, doanh nghiệp cần phải nộp cho ngân hàng bản dự án đầu tư. Trên cơ sở đó, ngân hàng sẽ thu thập thêm thông tin xung quanh về chủ đầu tư, dự án để có cái nhìn khách quan hơn. Việc thẩm định dự án sẽ giúp ngân hàng đánh giá tính hiệu quả của việc đầu tư, chất lượng dự án; xác định số tiền cho vay, thời gian cho vay, số tiền gốc và lãi doanh nghiệp phải trả mỗi kỳ, thời điểm giải ngân.

Ngân hàng được biết đến là một tổ chức trung gian tài chính, vừa đi vay và vừa cho vay. Nên nếu một khoản cho vay xấu sẽ ảnh hưởng tới tính thanh khoản của ngân hàng, sự phát triển lâu dài của ngân hàng. Công tác thẩm định dự án rất quan trọng, nó sẽ giúp ngân hàng đạt được những chỉ tiêu về an toàn, hiệu quả trong sử dụng vốn; giảm thiểu nợ quá hạn, nợ khó đòi; hạn chế rủi ro có thể xảy ra đối với ngân hàng.

– Đối với xã hội và các cơ quan quản lý Nhà nước

Cũng như các doanh nghiệp cần đầu tư để phát triển thì một quốc gia càng cần có đầu tư để bắt kịp xu thế thế giới. Nhưng vấn đề quan trọng là phải đầu tư như thế nào cho có hiệu quả, nếu không tác động của đầu tư không hợp lý sẽ gây hậu quả khó lường. Trên góc độ vĩ mô, hiệu quả dự án không chỉ là hiệu quả kinh tế mà còn bao hàm hiệu quả về mặt xã hội như vấn đề giải quyết việc làm, tăng thu ngân sách, tăng khả năng cạnh tranh trong và ngoài nước và bảo vệ môi trường sinh thái. Các dự án được chọn cũng phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của từng địa phương, nơi dự án thực hiện và phải tuân thủ pháp luật Nhà nước.

Tóm lại, công tác thẩm định dự án là một công việc hết sức quan trọng, nó có vai trò trên cả tầm vĩ mô (xã hội) và tầm vi mô (ngân hàng, doanh nghiệp).

1.1.3. Hoạt động thẩm định các dự án xin vay vốn tại ngân hàng

Với mục tiêu cung cấp thông tin để quyết định cho vay và giảm xác suất rủi ro dựa trên cơ sở đánh giá đúng thực chất của phương án sản xuất kinh doanh hoặc dự án

đầu tư và ước lượng hay kiểm soát rủi ro ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ khi cho vay, ngân hàng tập trung thẩm định các nội dung chính sau:

- *Thẩm định tư cách của khách hàng vay vốn*: Mục tiêu của thẩm định tư cách khách hàng là đánh giá tư cách pháp nhân, tính chất hợp pháp và mức độ tin cậy đối với những thủ tục xin vay mà khách hàng phải tuân thủ.
- *Thẩm định khả năng tài chính*: Điều kiện này đặt ra vừa tốt cho khách hàng, vừa tốt cho ngân hàng. Đối với khách hàng, có khả năng tài chính và đảm bảo trả nợ giúp cho khách hàng yên tâm rằng họ sẽ trả được nợ khi đến hạn, do đó, giữ được uy tín cũng như cam kết đã thỏa thuận. Đối với ngân hàng, khả năng tài chính giúp ngân hàng yên tâm hơn về khả năng trả nợ của khách hàng.
- *Thẩm định khả năng trả nợ*: Mục tiêu này rất quan trọng, nhưng cũng rất khó thực hiện chính xác tuyệt đối. Bởi lẽ, quá trình đánh giá chỉ có thể đánh giá được quá khứ và hiện tại, còn việc thu nợ lại xảy ra trong tương lai. Khả năng trả nợ trong tương lai của khách hàng phụ thuộc vào sự khả thi của dự án, các tác động trực tiếp hay gián tiếp tới dự án.
- *Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay*: Mục tiêu của thẩm định tài sản đảm bảo là đánh giá một cách chính xác và trung thực xem tài sản đảm bảo có thỏa mãn yêu cầu của ngân hàng không. Nếu thỏa mãn thì khả năng thu hồi nợ được nâng cao, giảm rủi ro của việc ngân hàng cho vay vốn.
- *Ước lượng và kiểm soát rủi ro tín dụng*: Thẩm định tín dụng được tiến hành trước khi quyết định cho vay còn việc thu hồi nợ là công việc thực hiện sau khi cho vay. Do đó, thẩm định tín dụng dù có được thực hiện kỹ lưỡng và chuyên nghiệp đến đâu cũng không thể hoàn toàn tránh khỏi những sai sót. Chính vì thế, hoạt động ước lượng và kiểm soát rủi ro cần được tiến hành để có những biện pháp xử lý hậu quả kịp thời.

Quan điểm của ngân hàng trong thẩm định dự án là quan điểm tổng vốn đầu tư nên họ thường chỉ quan tâm tới những dự án thực sự có nhu cầu xin vay vốn và khi dự án hoạt động có lợi nhuận sẽ ưu tiên trả nợ ngân hàng.

1.2. Đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

1.2.1. Khái niệm rủi ro

Rủi ro là sự bất trắc có thể đo lường được. Rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của con người. Rủi ro có thể mang lại tổn thất, mất mát, nguy hiểm nhưng cũng có thể mang lại cơ hội.

Còn đánh giá rủi ro là quá trình tìm hiểu những rủi ro có thể và sẽ liên quan tới hoạt động nào đó. Nói cách khác là chỉ ra cụ thể những rủi ro có thể gặp phải và xây dựng những biện pháp để kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả nhất, an toàn nhất.

1.2.2. Rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

Rủi ro là sự khác biệt giữa giá trị thực tế và giá trị kỳ vọng khi đánh giá một chỉ tiêu nào đó. Vậy, rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án cũng chính là sự sai biệt của giá trị thực tế so với giá trị kỳ vọng của các vấn đề tính toán trước khi thực hiện dự án. Với cách tiếp cận này, sự biến động của các biến rủi ro ảnh hưởng đến sự chênh lệch giữa giá trị kỳ vọng và giá trị thực tế cần được quan tâm.

1.2.3. Các loại rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

Trong quá trình thẩm định dự án, ngân hàng cần chú ý tới rất nhiều loại rủi ro có thể xảy ra. Các loại rủi ro được chia theo ba nội dung lớn: rủi ro về khách hàng, rủi ro về dự án và rủi ro về tài sản đảm bảo.

– Rủi ro về khách hàng

Quá trình thẩm định dự án sẽ dẫn tới rủi ro từ phía khách hàng nếu ngân hàng không có những đánh giá chính xác về đối tác. Nguyên nhân của rủi ro này xuất phát từ việc khách hàng không có khả năng trả nợ do dự án thất bại hay do khách hàng không có đủ năng lực tài chính. Một lượng không nhỏ khách hàng để đạt được mục đích vay vốn của mình đã cung cấp những thông tin không chính xác, tạo hồ sơ giả, hợp đồng mua bán giả... Nhiều chủ đầu tư còn lập dự án ảo để vay vốn ngân hàng sau đó sử dụng vốn đó sai mục đích ban đầu. Thậm chí, nhiều dự án có lãi nhưng chủ đầu tư không chịu trả nợ ngân hàng đúng hạn để quyt nợ hoặc chiếm dụng vốn lâu hơn. Rủi ro từ phía khách hàng có thể gây ra những thiệt hại cho ngân hàng trong hoạt động tín dụng hiện nay. Việc phòng tránh rủi ro này cũng gặp nhiều khó khăn vì khách hàng của ngân hàng rất đa dạng về trình độ cũng như lĩnh vực kinh doanh. Do vậy, ngân hàng cần nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án khi quyết định cho vay, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện khoản vay của khách hàng.

– Rủi ro về dự án

Một dự án, từ khâu chuẩn bị đến lúc đi vào thực hiện có thể xảy ra nhiều loại rủi ro khác nhau, có thể là do nguyên nhân chủ quan, cũng có thể là nguyên nhân khách quan. Việc đánh giá, phân tích, dự đoán các rủi ro có thể xảy ra rất quan trọng nhằm tăng tính khả thi của dự án cũng như có những biện pháp chủ động phòng ngừa. Dưới đây là một số rủi ro chủ yếu:

- + *Rủi ro về cơ chế chính sách*: Rủi ro này bao gồm tất cả những bất ổn về tài chính và chính sách của nơi hoặc địa điểm dự án được tiến hành, bao gồm: các sắc thuế mới, các luật, nghị quyết, nghị định và các chế tài khác có liên quan đến dòng tiền của dự án.
- + *Rủi ro về tiến độ hoàn thành dự án*: Rủi ro này được xem là việc hoàn thành dự án không đúng thời hạn, không phù hợp với các tiêu chuẩn và mục tiêu ban đầu.
- + *Rủi ro thị trường, thu thập, thanh toán*: Rủi ro này bao gồm: thị trường không chấp nhận hoặc không đủ cầu đối với sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án; sức ép cạnh tranh, giá bán sản phẩm không đủ để bù đắp chi phí của dự án...
- + *Rủi ro về cung cấp*: Rủi ro khi dự án không có được nguồn đầu vào với số lượng, giá cả và chất lượng như dự kiến để thực hiện dự án, tạo dòng tiền ổn định, đảm bảo khả năng trả nợ vốn vay để đầu tư.
- + *Rủi ro về kỹ thuật, vận hành, bảo trì*: Rủi ro về việc dự án không thể vận hành và bảo trì ở mức độ phù hợp với các thông số thiết kế ban đầu.
- + *Rủi ro về môi trường, xã hội*: Rủi ro này thể hiện những tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường và người dân xung quanh.
- + *Rủi ro về kinh tế vĩ mô*: Đây là những rủi ro phát sinh từ môi trường kinh tế vĩ mô, bao gồm tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất...

– Rủi ro về tài sản đảm bảo

Rủi ro từ tài sản đảm bảo cũng chính là một trong những nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng. Rủi ro từ tài sản đảm bảo có thể là do đánh giá không đúng về giá trị của tài sản đảm bảo, do giá cả biến động hay do tính khả mại thấp, tài sản chuyên dụng, tranh chấp về pháp lý... Nguyên nhân của rủi ro này là do trình độ của cán bộ định giá còn kém, thông tin nhận được sai lệch...

1.2.4. Sự cần thiết của việc đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án tại Ngân hàng thương mại

Người ta thường nói: “Có một điều chắc chắn là không có gì chắc chắn cả”. Ngân hàng trước khi quyết định cho vay tuy đã tiến hành thẩm định các yếu tố kỹ càng, khoa học nhưng khả năng thu hồi vốn của dự án còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và không ai biết chắc được điều gì sẽ xảy ra cho đến khi nó thực sự xảy ra. Vì thế quyết định tín dụng bản thân nó là một quyết định rủi ro. Chúng ta không thể loại bỏ rủi ro mà chỉ có thể phân tích, đánh giá mức độ rủi ro nhằm kiểm soát và hạn chế rủi ro ở mức tối thiểu.

Việc đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án bắt đầu từ việc nhận định các yếu tố rủi ro, phân tích rủi ro cho đến dự báo các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả dự án, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp để quản lý và hạn chế rủi ro. Phân tích, đánh giá rủi ro cũng sẽ giúp công tác thẩm định nhận biết các dự án xấu, hiệu quả không chắc chắn.

Rủi ro khi cho vay các dự án xảy ra ở mức độ nào cũng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ngân hàng, từ việc mất cân bằng kế hoạch cân đối dòng tiền đến mất khả năng chi trả, uy tín ngân hàng giảm sút. Hậu quả lớn hơn có thể xảy ra là sự đổ vỡ trong cả hệ thống ngân hàng. Vì vậy, đánh giá được rủi ro trong thẩm định dự án là hết sức quan trọng và cần thiết.

1.3. Chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

1.3.1. Khái niệm chất lượng công tác đánh giá rủi ro

Chất lượng là một khái niệm trừu tượng. Tùy theo đối tượng sử dụng, từ “chất lượng” có ý nghĩa khác nhau. Nhưng nói như vậy không phải chất lượng là một khái niệm quá trừu tượng đến mức người ta không thể đi đến một cách diễn giải tương đối thống nhất, mặc dù sẽ còn có những thay đổi. Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa ISO đã đưa ra định nghĩa sau: “Chất lượng là khả năng của tập hợp các đặc tính của một sản phẩm, hệ thống hay quá trình để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và các bên có liên quan.”

Với định nghĩa trên, ta xem xét chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án trên ba góc độ chính: chủ đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước và ngân hàng thương mại.

- Đúng trên góc độ của nhà đầu tư, chất lượng của công tác này được hiểu là khả năng cung cấp cơ sở, luận chứng chính xác giúp cho nhà đầu tư lựa chọn được phương án đầu tư khả thi và đạt hiệu quả tối ưu nhất.
- Với lập trường của các ngân hàng thương mại, công tác đánh giá rủi ro được xem là có chất lượng khi dự án mà ngân hàng đã thẩm định và tài trợ hoạt động suôn sẻ, thuận lợi, trả được gốc và lãi vay theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng tài trợ, các rủi ro được kiểm soát.
- Về phía cơ quan quản lý Nhà nước, chất lượng của công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án được xem là mức độ tin cậy trong nội dung thẩm định về hiệu quả tài chính cũng như hiệu quả kinh tế xã hội mà dự án đem lại. Trên cơ sở đó, giúp các cơ quan này xem xét, đưa ra quyết định chấp nhận, phê duyệt và cấp giấy phép đầu tư.

1.3.2. Sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

Vai trò của công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án là rất quan trọng, góp phần đem lại những kết quả lớn cho nền kinh tế. Mặc dù vậy, công tác đánh giá rủi ro còn những tồn tại chưa thể đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Vì vậy, tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án là một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế trong thời kỳ đổi mới.

Mặt khác, đảm bảo chất lượng công tác đánh giá rủi ro sẽ giúp cho các nhà doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 6-7% đến năm 2015 cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi cần phải có một khối lượng đầu tư và nguồn vốn lớn để đáp ứng. Đặc biệt đối với các dự án liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng là những dự án thường kéo dài và chưa thể tạo ra ngay sản phẩm cho xã hội. Nếu chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án không được nâng cao thì rủi ro sẽ rất lớn, gây khó khăn cho cả nền kinh tế và ngay cả bản thân hoạt động ngân hàng. Nó có thể tạo ra áp lực cho nền kinh tế như: giá cả, lạm phát, lãi suất...Do vậy phải nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro một mặt để đáp ứng cho nền kinh tế, mặt khác sẽ góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng.

Như đã phân tích ở trên, để đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy quá trình phát triển của đất nước ta cần một lượng vốn rất lớn. Nếu chỉ dựa vào việc huy động nguồn vốn trong nước thì khó có thể đảm bảo được mục tiêu trên. Do vậy, chất lượng của quá trình đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án mà được nâng cao sẽ góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo được nguồn vốn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

1.3.3. Các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

Đối với các ngân hàng, chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án được đánh giá tổng thể trên các phương diện sau:

- Mức độ khoa học, chính xác, toàn diện và sâu sắc của các kết quả đánh giá rủi ro trong thẩm định về nguồn vốn đầu tư, dòng tiền của dự án, các chỉ tiêu hiệu quả tài chính, khả năng trả nợ...và vai trò của các kết quả đó đối với việc ra quyết định tài trợ của ngân hàng.
- Sự phù hợp của các dự đoán so với thực tế khi dự án bắt đầu được thực hiện. Điều này được thể hiện ở các chỉ tiêu: tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay nợ quá hạn; tỷ lệ dự án đạt hiệu quả trong tổng số dự án đã qua đánh giá rủi ro thẩm định; tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khó đòi; thu nhập từ cho vay theo dự án...các chỉ số ngày càng cao sẽ phản ánh được chất lượng công tác đánh giá rủi ro thẩm định dự án tại ngân hàng.
- Chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án còn được phản ánh thông qua các chỉ tiêu như: sự thuận tiện trong quá trình đánh giá rủi ro, thủ tục, thời gian đánh giá rủi ro nhanh chóng, không gây phiền hà, chi phí đánh giá rủi ro...

1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án

Chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án bị chi phối bởi nhiều nhân tố, song có thể phân chia thành nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Nhân tố chủ quan là nhân tố thuộc về nội bộ ngân hàng mà ngân hàng có thể kiểm soát, điều chỉnh. Nhân tố khách quan là những nhân tố bên ngoài môi trường tác động; nó không thể kiểm soát mà chỉ khắc phục để thích nghi. Việc xem xét, đánh giá các nhân tố được coi là rất cần thiết đối với ngân hàng trong việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án.

– Nhân tố chủ quan

- + *Con người*: Đây là nhân tố được xem là cơ bản và quan trọng nhất. Trong công tác đánh giá rủi ro thẩm định dự án tại các ngân hàng, cán bộ ngân hàng là người trực tiếp đánh giá. Chất lượng công tác đánh giá có đạt được hay không, trình độ đánh giá có đầy đủ hay không phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của cán bộ. Nó đòi hỏi người cán bộ thẩm định không những nắm vững những kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn mà còn phải có những hiểu biết tổng hợp về khoa học – kinh tế - xã hội. Không những vậy, trong quá trình công tác cán bộ thẩm định phải thường xuyên cập nhật thông tin về tất cả các lĩnh vực và tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ và khả năng của mình. Có như vậy họ mới đánh giá dự án một cách toàn diện và chính xác hơn. Ngoài trình độ và kinh nghiệm thì vấn đề đạo đức nghề nghiệp cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Nếu một người cán bộ mà thiếu phẩm chất đạo đức thì cuối cùng kết quả thẩm định cũng sẽ bị bóp méo, sai lệch thực tế. Điều này dễ đưa ngân hàng đến nguy cơ mất vốn, giảm lợi nhuận kinh doanh.
- + *Thông tin*: Đánh giá rủi ro được tiến hành trên cơ sở các thông tin thu thập từ nhiều nguồn. Vì thế, thông tin là yếu tố quan trọng giúp cho việc đánh giá được thành công. Việc thu thập các thông tin đúng, đủ, chính xác sẽ tạo điều kiện cho cán bộ thẩm định đánh giá chính xác về dự án và doanh nghiệp, ra quyết định đúng đắn, đảm bảo an toàn cho hoạt động tài trợ của ngân hàng.
- + *Phương pháp đánh giá rủi ro*: Với nguồn thông tin thu thập được, do mỗi dự án có một đặc trưng riêng nhất định nên cán bộ thẩm định phải lựa chọn, đưa ra được phương pháp đánh giá rủi ro thống nhất và phù hợp. Khi dùng một phương pháp để đánh giá rủi ro thì cán bộ thẩm định phải hiểu rõ phương pháp ấy có những ưu nhược điểm gì để đánh giá rủi ro những dự án phù hợp với nó. Trong giai đoạn hiện nay, những phương pháp đánh giá rủi ro đã giúp cho việc phân tích, đánh giá được toàn diện, chính xác và hiệu quả hơn. Song điều quan trọng là ngân hàng phải biết áp dụng đồng bộ các phương pháp để đảm bảo tính toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của ngành, dự án cũng như khả năng điều kiện cụ thể của ngân hàng.
- + *Công tác tổ chức điều hành*: Đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án là tập hợp nhiều hoạt động có liên quan chặt chẽ với nhau. Công tác thẩm định

bao gồm cả ba giai đoạn là trước, trong và sau khi cho vay nên việc phân cấp điều hành là rất cần thiết để các bước thực hiện một cách hợp lý, khoa học và kịp xử lý rủi ro xảy ra. Mặt khác, phương thức điều hành hợp lý của ban lãnh đạo sẽ là cơ sở phát huy năng lực của cán bộ thẩm định. Việc phân định quyền hạn và trách nhiệm cho từng bộ phận sẽ giúp cho việc thẩm định được chính xác, khách quan và dễ dàng hơn.

- + *Ứng dụng khoa học công nghệ*: Hiện nay trong các ngân hàng việc lưu trữ và xử lý thông tin hầu hết được thực hiện trên máy tính. Đồng thời hệ thống mạng cũng giúp ngân hàng thuận lợi trong việc khai thác thu thập thông tin. Nhờ đó, công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án được tiến hành dễ dàng hơn, giảm thiểu rủi ro do sai sót trong tính toán, tiết kiệm thời gian tạo hiệu quả cao trong thẩm định.

Ngoài các nhân tố trên, một số yếu tố khác của ngân hàng như chiến lược, định hướng hoạt động, cơ chế chính sách, năng lực quản lý của ban lãnh đạo,...cũng ảnh hưởng đến chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án.

– Nhân tố khách quan

- + *Chủ trương chính sách, kế hoạch phát triển của Nhà nước*: Các dự án đầu tư phát triển là các dự án thường sử dụng nguồn lực của đất nước và để đạt được những mục tiêu của chủ đầu tư cũng như của xã hội. Nhà nước bao giờ cũng thể hiện sự quan tâm của mình đến lĩnh vực này vì nó ảnh hưởng tới sự phát triển chung của nền kinh tế xã hội. Sự quan tâm đó thể hiện qua công tác quản lý của Nhà nước đối với các dự án đầu tư. Một dự án đầu tư, nhất là các dự án có quy mô lớn đều phải có sự phê duyệt của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy khi ngân hàng đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án cũng phải xem xét đến chiến lược chung của quốc gia. Ngoài ra, các dự án thường có thời gian kéo dài và thường liên quan đến nhiều văn bản luật với nhiều lĩnh vực khác nhau. Do đó nếu các văn bản của Nhà nước không có tình ổn định trong thời gian dài cũng như không rõ ràng, minh bạch, chồng chéo...sẽ làm thay đổi tính khả thi của dự án theo thời gian cũng như gây khó khăn cho ngân hàng trong việc phân tích, đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả, dự báo rủi ro, làm đảo lộn mọi con số tính toán ảnh hưởng lợi nhuận và khả năng thu hồi nợ của ngân hàng.

- + *Tính xác thực của thông tin về doanh nghiệp*: Dù trình độ cán bộ thẩm định có tốt đến đâu cũng khó có thể đi sâu và nắm được tình hình nội bộ doanh nghiệp. Như vậy, chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong việc thẩm định khách hàng cũng bị hạn chế. Có thể nói, sự hợp tác và năng lực thực sự của doanh nghiệp là một sự đảm bảo tốt cho ngân hàng đánh giá độ rủi ro của dự án.
- + *Những biến động của môi trường, thị trường*: Một dự án có thể có tuổi thọ khá dài. Do đó, nhận định của ngân hàng có thể bị sai lệch do yếu tố môi trường, thị trường thay đổi làm cho xuất hiện hoặc thành hiện thực các loại rủi ro tiềm ẩn từ trước. Nếu không có biện pháp chống đỡ, dự phòng từ trước thì ngân hàng có thể gặp rủi ro rất lớn. Mặt khác, những biến động của thị trường rất phức tạp, nó vượt ra ngoài vòng kiểm soát của doanh nghiệp, ảnh hưởng tới dự án và điều tất yếu là ngân hàng rất khó có thể thu hồi vốn và lãi như dự kiến. Vấn đề đặt ra là doanh nghiệp cũng như ngân hàng cần phải có những phương pháp tích cực dự báo về thị trường thật tốt nhằm xác định được rủi ro. Đặc biệt với các dự án vay vốn bằng ngoại tệ, công tác đánh giá rủi ro còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố mang tính chất quốc tế, nhất là biến động về chính trị và tài chính làm cho tiền tệ và giá cả thế giới mất ổn định. Ngoài ra nó còn bị ảnh hưởng bởi chính sách ngoại tệ của Nhà nước.

Kết luận chương

Chương 1 đã cho chúng ta những hiểu biết căn bản về thẩm định dự án, đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án và chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án. Với những cơ sở lý luận ở phương diện lý thuyết trên, chương này sẽ là nền tảng để có thể tìm hiểu sâu hơn về công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại NHTMCP Kỹ thương Việt Nam.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

a. Vài nét về Ngân hàng

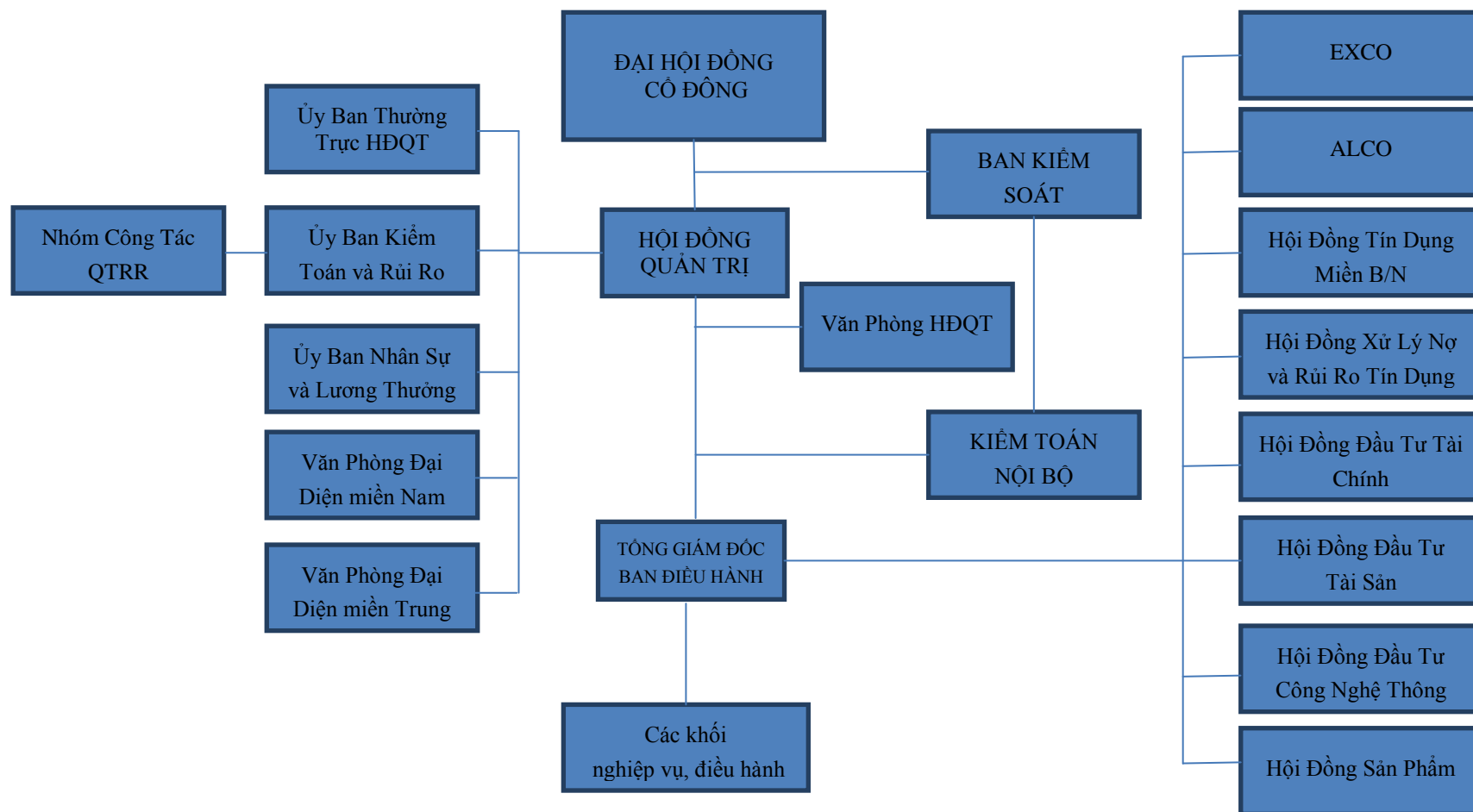
Theo giấy phép hoạt động số 0400/NH-GP do Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/08/1993, giấy phép thành lập số 1534/QĐ-UB do UBND thành phố Hà Nội cấp 04/09/1993, giấy phép kinh doanh số 055697 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp 07/09/1993, ngày 27/09/1993 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Techcombank được chính thức thành lập. Đây là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam được thành lập trong bối cảnh đất nước đang chuyển sang nền kinh tế thị trường với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng và trụ sở chính ban đầu được đặt tại số 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trải qua 20 năm hoạt động, đến nay Techcombank đã trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt khoảng 179.934 tỷ đồng (tính đến ngày 31/12/2012). Cùng với sự tăng lên của vốn điều lệ là sự tăng lên của tổng số chi nhánh, phòng giao dịch và hội sở chính. Techcombank không ngừng vững mạnh về tài chính mà còn luôn bám sát mở rộng thị trường, tăng cường lực lượng cán bộ công nhân viên, áp dụng các công nghệ tiên tiến vào hoạt động của ngân hàng, xứng đáng với danh hiệu của Financial Insights tặng “Ngân hàng dẫn đầu về giải pháp và ứng dụng công nghệ”. Và với cam kết không ngừng đầu tư để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, năm 2012, Techcombank đã dời hội sở đến Tòa tháp Techcombank 191 Bà Triệu, Hà Nội.

b. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Techcombank

(Nguồn: Báo cáo thường niên 2012 – Techcombank)



2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Là một ngân hàng thương mại cổ phần với lịch sử hình thành và phát triển gần 20 năm, Techcombank ngày một khẳng định vị thế của mình. Bằng chứng là những hiệu quả về hoạt động, quy mô liên tục được mở rộng, sản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, chất lượng sản phẩm được cải tiến và hình ảnh của ngân hàng ngày càng được biết đến rộng rãi hơn. Ta có thể đánh giá hoạt động của ngân hàng thông qua việc xem xét các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của ngân hàng trong các năm vừa qua.

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Techcombank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	So sánh tuyệt đối		So sánh tương đối (%)	
				2011/2010	2012/2011	2011/2010	2012/2011
Tổng tài sản	150.291	180.531	179.934	30.240	(597)	16,75	(0,33)
Vốn chủ sở hữu	9.389	12.512	13.290	3.123	778	24,96	5,85
Tổng doanh thu	4.719	6.662	5.761	1.943	(901)	29,17	(15,64)
Lợi nhuận trước thuế	2.744	4.221	1.018	1.477	(3.203)	34,99	(314,64)
Tiền gửi	108.334	136.781	150.633	28.447	13.852	20,80	9,20
Cho vay khách hàng	52.928	63.451	68.261	10.523	4.810	16,58	7,05

(Nguồn: Báo cáo thường niên 2012 - Techcombank)

Trước những biến động và khó khăn của nền kinh tế trong vài năm gần đây, Techcombank đã phải đối mặt với nhiều thách thức. Trước thực tế đó, Ngân hàng đã có những kế hoạch, giải pháp phù hợp để duy trì hoạt động và phát triển ngân hàng. Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy tổng tài sản năm 2011 tăng so với năm 2010 hơn 30.000 tỷ đồng, tương ứng với 16,75%, nhưng sang tới năm 2012 thì giảm xuống còn 179.934 tỷ đồng, ứng với 0,33%. Để đối mặt với những biến động kinh tế, Ngân hàng đã tăng vốn chủ sở hữu qua các năm để đảm bảo khả năng thanh toán của mình, tăng tỉ lệ an toàn vốn lên mức 12,6% năm 2012, vượt 1,2% so với năm 2011. Khủng hoảng

kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của ngân hàng, khiến cho doanh thu thuần năm 2012 giảm so với năm 2011 là 901 tỷ đồng, khoảng 15,64%. Ngân hàng đã phải có những chính sách để duy trì mức đầu tư cho cơ sở hạ tầng, nhân sự, phát triển kinh doanh và đặc biệt là các chính sách quản lý rủi ro nên chi phí hoạt động của ngân hàng tăng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2012 là 1.018 tỷ đồng. Với những nỗ lực nâng cao chất lượng và uy tín của mình thể hiện trong các chính sách cho vay thận trọng, phát triển hệ thống mạng lưới chi nhánh mạnh, tiền gửi và cho vay của Ngân hàng vẫn tăng đều qua các năm. Đây là cơ sở tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng tài sản trong những năm tới của Ngân hàng.

a. Tình hình huy động vốn

Bảng 2.2. Tình hình huy động vốn của Techcombank

Đơn vị: Triệu đồng.

Thứ tự	Chỉ tiêu	2012		2011		Chênh lệch	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Tương đối (triệu đồng)	Tuyệt đối (%)
I	Theo loại hình tiền gửi	111.462.288	100,00	88.647.779	100,00	22.814.509	20,47
	Tiền gửi không kỳ hạn	13.000.727	11,66	11.440.309	12,91	1.560.418	12,00
	Tiền gửi có kỳ hạn	97.204.765	87,21	75.275.537	84,92	21.929.228	22,56
	Tiền ký quỹ	1.256.796	1,13	1.931.933	2,18	(675.137)	(53,72)
II	Theo đối tượng khách hàng	111.462.288	100,00	88.647.779	100,00	22.814.509	20,47
	Tổ chức kinh tế	34.405.790	30,87	31.011.867	34,98	3.393.923	9,86
	Cá nhân	77.056.498	69,13	57.635.912	65,02	19.420.586	25,20

(Nguồn: Báo cáo thường niên 2012 – Techcombank)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta có thể thấy vốn huy động năm 2012 tăng 22.814.509 triệu đồng, tương ứng với 20,47% so với năm 2011. Điều này cho thấy ngân hàng đã áp dụng các chương trình hợp lý để thu hút tiền gửi từ khách hàng.

Vốn huy động của ngân hàng tăng là do sự thay đổi của 2 khoản mục đối tượng: tổ chức kinh tế và cá nhân. Cụ thể là năm 2011, tiền gửi cá nhân là 57.635.912 triệu đồng, chiếm 65% vốn huy động. Đến năm 2012 thì khoản này là 77.056.498 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 69,13%; tăng 19.420.586 triệu đồng so với 2011, tương ứng

25,2%. Đây là một con số ấn tượng trong bối cảnh thị trường tài chính đầy bất ổn trong năm. Mức tăng trưởng này xếp thứ hai trong khối các ngân hàng thương mại cổ phần. Trong khi đó thì tiền gửi của tổ chức kinh tế giảm nhẹ 3.393.923 triệu đồng, ứng với 9,86% từ năm 2011 sang năm 2012. Có thể thấy, vốn huy động của Techcombank chủ yếu là tiền gửi từ dân cư. Như vậy, ngân hàng có sự cạnh tranh mạnh về lãi suất và uy tín với người dân trong việc thu hút vốn trung và dài hạn, đảm bảo tốt cho ngân hàng về tăng trưởng tín dụng, lợi nhuận, đồng thời ổn định tính thanh khoản và đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống ngân hàng.

Bảng trên cũng cho ta thấy vốn huy động theo loại hình tiền gửi, đặc biệt là tiền gửi có kỳ hạn tăng mạnh. Cụ thể là trong năm 2011 tiền gửi có kỳ hạn là 75.275.537 triệu đồng thì đến năm 2012 số tiền này tăng với tốc độ 22,56% làm cho lượng tiền có kỳ hạn tăng lên thành 97.204.765 triệu đồng. Điều này cho thấy khả năng chủ động của Techcombank trong việc cho vay và đầu tư bởi ngân hàng có thể hoạch định các khoảng thời gian trả tiền không giống như việc chi trả các khoản tiền gửi không kỳ hạn là rất bất ngờ vì khách hàng có thể rút tiền đột xuất.

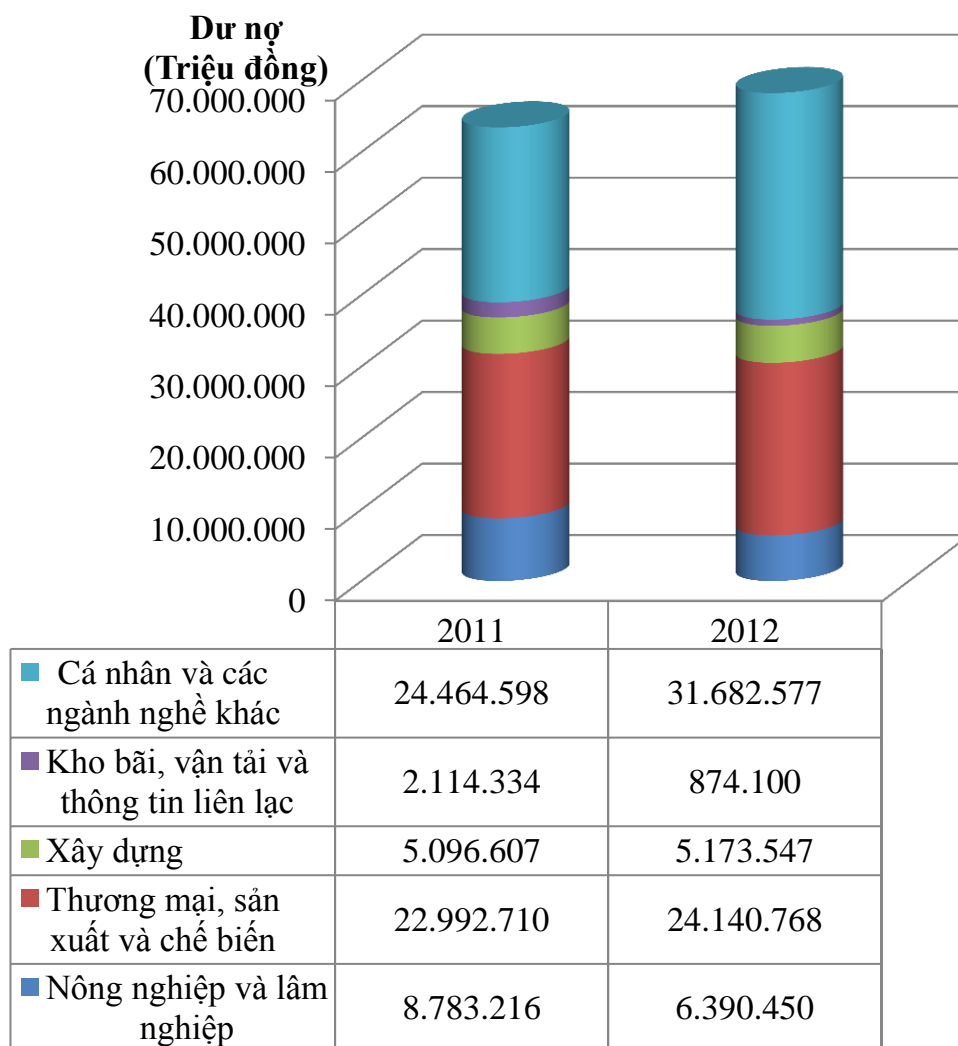
b. Tình hình cho vay

Trong bối cảnh biến động của nền kinh tế xã hội, thị trường vốn và thị trường trong nước, Techcombank vẫn luôn kiểm soát được chất lượng tín dụng, tập trung đầu tư vốn trên cơ sở thận trọng, an toàn. Nhờ đó, hoạt động tín dụng của Techcombank đã đạt được sự tăng trưởng bền vững.

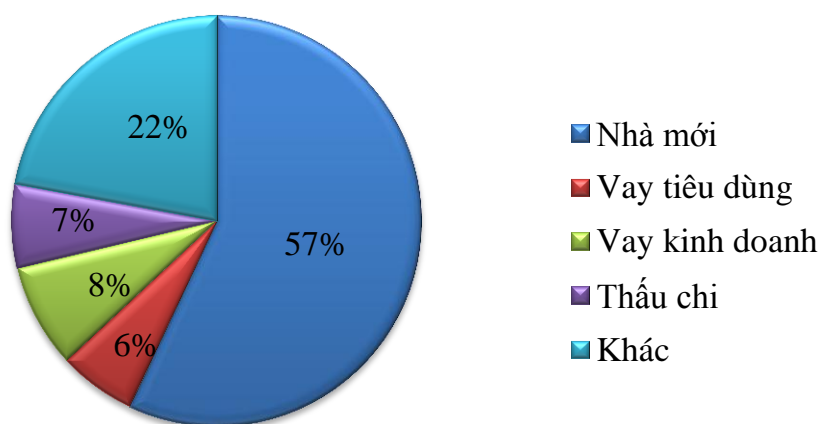
Dư nợ tín dụng đến ngày 31/12/2012 là 68.261.442 triệu đồng, tăng 4.809.977 triệu đồng, ứng với 7,05%. Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng của Techcombank chủ yếu là tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, với tỷ lệ dư nợ năm 2011 là 64,27% và năm 2012 là 59,35%. Tỷ lệ này phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện tại, khi các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn cũng như phát triển doanh nghiệp.

Trong cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành nghề của Techcombank thì các ngành: xây dựng; thương mại, sản xuất, chế biến; cá nhân và các ngành nghề khác tăng còn ngành nông, lâm nghiệp và kho bãi, vận tải, thông tin liên lạc giảm. Ngành thương mại, sản xuất và chế biến chiếm tỷ trọng khá cao, hơn 35% tổng dư nợ.

Biểu đồ 2.1. Dư nợ cho vay theo ngành nghề của Techcombank



Biểu đồ 2.2. Cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm của Techcombank năm 2012



Mục tiêu của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ cho vay đáp ứng nhu cầu cá nhân của khách hàng theo những yêu cầu quản trị rủi ro thận trọng. Thống kê cho thấy dư nợ cho vay năm 2012 tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2011 nhờ cấu trúc cho vay theo sản phẩm của Ngân hàng. Tỷ lệ cho vay mua nhà trên tổng cho vay bán lẻ giảm xuống còn 57% từ mức 77,7% năm 2011. Điều này phản ánh sự chuyển biến trong nhu cầu cho vay của khách hàng từ bất động sản sang các hoạt động sản xuất và dịch vụ. Cho vay tiêu dùng, vay kinh doanh và thấu chi chiếm tỷ trọng lần lượt ở mức 6%, 8% và 7%. 22% còn lại là các sản phẩm khác.

c. Dịch vụ ngân hàng

Ngân hàng đa dạng trong việc cung cấp các dịch vụ cho khách hàng: dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ thanh toán, dịch vụ ủy thác và đại lý, dịch vụ tư vấn, dịch vụ môi giới... Năm 2012, lợi nhuận thuần từ hoạt động dịch vụ giảm từ 1.150.354 triệu đồng năm 2011 xuống còn 565.403 triệu đồng, ứng với 103,46%. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm mạnh là do tình hình thị trường trong nước cũng như nước ngoài bị khủng hoảng, đặc biệt là tình hình đóng băng bất động sản ở năm 2012 nên nhu cầu sử dụng dịch vụ cũng giảm. Ngoài ra, chi phí sử dụng dịch vụ tăng cũng là lý do để lợi nhuận giảm.

Techcombank được coi là một trong những ngân hàng đi đầu về phát triển công nghệ ngân hàng. Ngân hàng luôn coi trọng sự tiện lợi cao nhất cho khách hàng. Các sản phẩm nổi bật của ngân hàng phải kể đến như F@st i-Bank, dịch vụ rút tiền mặt tại ATM mà không cần dùng đến thẻ... So với năm 2011, số lượng thẻ Visa phát hành tăng 202,5% từ 126.571 lên 382.930 thẻ và số lượng khách hàng bán lẻ cũng tăng 20,5% lên 2.806.534 khách hàng ở năm 2012.

Sự nỗ lực của toàn thể CBCNV ngân hàng phần nào được thể hiện qua những giải thưởng uy tín quốc tế nhận được. Năm 2012, Ngân hàng tiếp tục đón nhận 12 giải thưởng danh giá do nhiều tạp chí uy tín hàng đầu thế giới như Global Finance, The Asian Banker, Finance Asia hay Asset trao tặng, ghi nhận một năm thành công với những cam kết và hướng đi đúng đắn của Ngân hàng.

2.2. Thực trạng công tác thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

2.2.1. Quy trình thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng

a. Cơ sở pháp lý

Quy trình thẩm định của Ngân hàng được căn cứ theo các văn bản pháp luật sau:

- Luật NHNN số 06/1997/QHX được Quốc hội thông qua ngày 12/12/1997 và các luật sửa đổi bổ sung.
- Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QHX được Quốc hội thông qua ngày 12/12/1997 và các luật sửa đổi bổ sung.

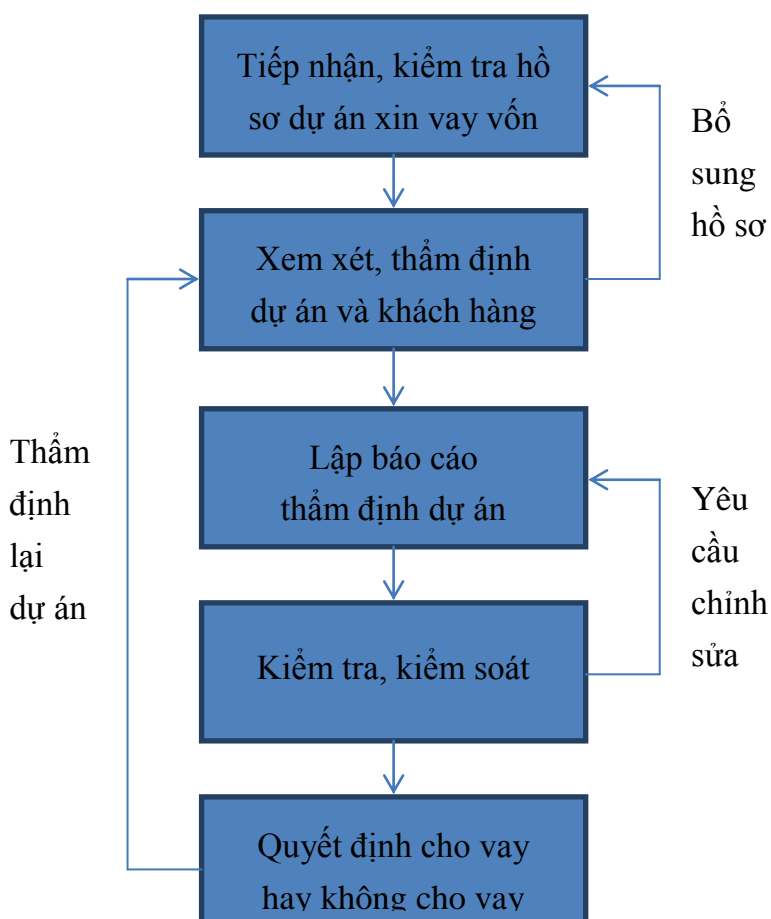
- Quy chế cho vay của NHNN ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- Quy chế cho vay đối với khách hàng số 00163/QĐ-HĐQT NHTM Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ban hành ngày 08/02/2002.
- Quy trình thẩm định dự án tại Techcombank.
- Các văn bản khác liên quan.

b. Quy trình thẩm định

Quy trình thẩm định dự án tại Techcombank được thông qua các phòng Tín dụng, phòng Thẩm định, Cán bộ tín dụng, Cán bộ thẩm định, phòng Nguồn vốn và một số phòng có liên quan.

Trình tự thực hiện thẩm định dự án đầu tư được tiến hành qua các bước chính như sau:

Sơ đồ 2.2. Quy trình thẩm định dự án



(Nguồn: Phòng thẩm định dự án – Hội sở chính Techcombank)

Bước 1: CBTD tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự án xin vay vốn: kiểm tra tính xác thực và ký nhận vào sổ theo dõi và chuyển hồ sơ sang phòng Thẩm định. Trưởng phòng Thẩm định kiểm tra sơ bộ hồ sơ: nếu đáp ứng các yêu cầu của quy trình thẩm định thì phân công CBTD tiến hành thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng, ghi và ký nhận vào sổ theo dõi; nếu hồ sơ chưa đáp ứng các yêu cầu của quy trình thì trả lại phòng Tín dụng yêu cầu hoàn thiện.

Bước 2: Trên cơ sở đối chiếu các quy định, thông tư có liên quan và các nội dung yêu cầu (hoặc tham khảo) được quy định tại các hướng dẫn thuộc Quy trình này, CBTD tổ chức xem xét, thẩm định dự án đầu tư và khách hàng xin vay vốn. Nếu cần thiết, đề nghị CBTD hoặc khách hàng bổ sung hồ sơ hoặc giải trình rõ thêm.

Bước 3: CBTD lập báo cáo thẩm định dự án trình trưởng phòng Thẩm định xem xét.

Bước 4: Trưởng Phòng thẩm định kiểm tra, kiểm soát về nghiệp vụ, thông qua hoặc yêu cầu CBTD chỉnh sửa, làm rõ các nội dung.

Bước 5: CBTD hoàn chỉnh nội dung Báo cáo thẩm định trình trưởng phòng Thẩm định thông qua, lưu hồ sơ tài liệu cần thiết và gửi trả hồ sơ kèm Báo cáo thẩm định cho trưởng phòng Tín dụng. Nếu chưa đạt yêu cầu, phân công CBTD tiến hành thẩm định lại.

2.2.2. Những kết quả trong hoạt động thẩm định dự án của Ngân hàng

Qua 20 năm hoạt động, Techcombank đã không ngừng đổi mới và ngày một lớn mạnh trên các mặt công tác, đồng thời khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ và ngân hàng. Góp phần vào sự phát triển chung của Ngân hàng, công tác thẩm định dự án cũng ngày một được quan tâm hơn và không ngừng hoàn thiện, với mục đích nhằm cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. “*Quy trình thẩm định dự án tại Techcombank*” được đưa ra và áp dụng trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng. Quy trình này là trình tự logic, đề cập đầy đủ các nội dung của công tác thẩm định dự án, đảm bảo cho kết quả thẩm định được chính xác nhất. Quy định phối hợp giữa các phòng Tín dụng, phòng Nguồn vốn và phòng Thẩm định đã giúp Ngân hàng phát hiện những sai sót kịp thời, đồng thời có kết quả đánh giá toàn diện hơn về dự án, có được sự thống nhất trước khi lập tờ trình Ban lãnh đạo Ngân hàng. Cách làm việc tập thể này cũng giúp Ngân hàng giảm thiểu được rủi ro đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ, góp phần hoàn thiện công tác thẩm định dự án.

Trung bình mỗi năm Ngân hàng thẩm định khoảng 7.000-8.000 dự án xin vay vốn và khoảng 72% dự án được cấp vốn vay. Năm 2012 số dự án được cấp vốn vay là

5.586 dự án, giảm 263 dự án so với năm 2011. Trong đó số dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp chiếm 9,36%; lĩnh vực thương mại, sản xuất và chế biến chiếm 35,37%; xây dựng chiếm 7,58%; vận tải và thông tin liên lạc chiếm 1,28% và các lĩnh vực khác chiếm 46,41%. Hai doanh nghiệp có dư nợ cao nhất hiện nay là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam với 758.225 triệu đồng và Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu với 407.828 triệu đồng (tính đến ngày 31/12/2012).

Việc trang bị các thiết bị máy móc hiện đại, các phương tiện làm việc thuận tiện cho cán bộ thẩm định đã được Techcombank quan tâm một cách đầy đủ và thường xuyên hơn. Những công việc tính toán, soạn thảo, lưu trữ ngày càng được thực hiện chính xác, nhanh chóng và khoa học hơn; các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, điện thoại, máy fax, mạng nội bộ, mạng Internet... đã và đang được trang bị và nâng cấp, giúp cán bộ thẩm định thu thập thông tin, khai thác các nguồn thông tin có hiệu quả và chính xác hơn, góp phần vào việc nâng cao chất lượng thẩm định dự án.

Bên cạnh đó, Techcombank cũng quan tâm và chú trọng đến công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác thẩm định, giúp cho các cán bộ thẩm định có được trình độ chuyên môn ngày càng cao, đạo đức nghề nghiệp ngày càng vững vàng, có được những phẩm chất cần thiết của một cán bộ ngân hàng và đáp ứng được những yêu cầu của công việc đòi hỏi.

2.2.3. Những khó khăn trong hoạt động thẩm định dự án của Ngân hàng

Bên cạnh những thành công đã đạt được thì việc chỉ ra những hạn chế của công tác thẩm định dự án là một vấn đề quan trọng nhằm tìm ra những giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng thẩm định, hạn chế rủi ro. Một số khó khăn tiêu biểu như:

- Khối lượng thẩm định dự án là rất lớn và rất đa dạng trên nhiều lĩnh vực nên việc thẩm định gặp nhiều khó khăn.
- Các chính sách của nhà nước thay đổi khiến cho ngân hàng gặp khó khăn khi phải điều chỉnh theo các văn bản pháp lý phù hợp khi thẩm định dự án.
- Thị trường biến động và chứa đựng nhiều bất ngờ nên các cán bộ thẩm định cũng rất khó kiểm soát được kết quả thẩm định dự án.
- Một số thông tin của dự án mà ngân hàng chỉ có thể dựa vào nguồn cung cấp từ doanh nghiệp mà không thể kiểm chứng hay tìm thêm bên ngoài.
- Ngân hàng chưa có một phần mềm hay công cụ chuyên biệt nào dùng để thẩm định dự án một cách hiệu quả cao.

Chính những khó khăn trên làm cho quá trình thẩm định dự án rủi ro hơn, khó chính xác hơn.

2.3. Thực trạng chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

2.3.1. Quy trình đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định các dự án đầu tư tại Ngân hàng

Trong hoạt động cho vay các dự án đầu tư, Ngân hàng chịu tác động của các loại rủi ro chính từ phía chủ đầu tư, rủi ro từ dự án xin vay vốn và rủi ro từ tài sản đảm bảo. Ba loại rủi ro này có mối quan hệ trực tiếp với nhau. Nếu có bất kỳ một đánh giá rủi ro không đảm bảo tin cậy thì toàn bộ dự án sẽ không được chấp nhận.

Ngân hàng đánh giá rủi ro từ phía khách hàng vẫn dựa trên cơ sở lòng tin. Do vậy, Ngân hàng rất coi trọng việc đánh giá năng lực pháp lý, năng lực quản lý điều hành và năng lực tài chính của chủ đầu tư. Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin vay vốn của các chủ đầu tư, Ngân hàng sẽ tiến hành việc phân loại khách hàng để có thể theo dõi và đánh giá mức rủi ro trong từng trường hợp. Ngân hàng hiện nay đang sử dụng một loạt các phần mềm phân loại nợ và phần mềm RMS (phần mềm lưu trữ các thông tin về khách hàng trên toàn hệ thống Techcombank). Nếu rủi ro xảy ra thì sẽ dễ dàng phát hiện, phân tích và có phương án xử lý kịp thời.

Sau khi thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng và dự án xin vay vốn, cán bộ thẩm định sẽ tiến hành thẩm định các nội dung cần thiết của dự án. Trong quá trình thẩm định, cán bộ thẩm định sẽ đưa ra nhận xét về các mặt tích cực cũng như rủi ro tiềm ẩn của từng khía cạnh của dự án. Sau khi kết thúc việc thẩm định dự án, cán bộ sẽ tổng hợp các rủi ro, đánh giá và phân tích các rủi ro sâu hơn.

Tài sản đảm bảo được coi là nguồn thu của ngân hàng khi có rủi ro xảy ra. Chính vậy, các cán bộ cần phải tiến hành thẩm định các tài sản đảm bảo. Ngân hàng thường đánh giá cao các tài sản đảm bảo có giá trị cao và có tính thanh khoản.

Quy trình đánh giá rủi ro tại Techcombank bao gồm các bước sau:

Bước 1: CBTD tiến hành thẩm định khách hàng, từ đó tổng hợp và đánh giá những rủi ro có thể xảy ra từ phía khách hàng. Sau đó, những đánh giá này sẽ được lưu trữ tại trung tâm phòng ngừa và xử lý rủi ro.

Bước 2: CBTD thực hiện việc thẩm định dự án xin vay vốn. Bước này sẽ được áp dụng với từng dự án cụ thể.

- Đối với các dự án nhỏ thì khi tiến hành đánh giá rủi ro của dự án, Ngân hàng sẽ tiến hành thẩm định trên các khía cạnh khác nhau của dự án (cơ sở pháp lý của dự án; thị trường, sản phẩm; khả năng cung cấp, đáp ứng nguyên vật liệu đầu vào; các điều kiện vĩ mô; kỹ thuật, công nghệ; hoạt động tổ chức, quản lý và hiệu quả tài chính) rồi từ đó rút ra các rủi ro mà dự án có thể gặp phải.
- Đối với các dự án lớn, rủi ro cao thì Ngân hàng sẽ tiến hành thẩm định từng khía cạnh (cơ sở pháp lý của dự án; thị trường, sản phẩm; khả năng cung cấp, đáp ứng nguyên vật liệu đầu vào; các điều kiện vĩ mô; kỹ thuật, công nghệ; hoạt động tổ chức, quản lý và hiệu quả tài chính), sau đó rút ra các rủi ro mà dự án có thể gặp phải tương ứng với từng khía cạnh thẩm định (rủi ro về cơ chế chính sách; rủi ro về thị trường; rủi ro về cung cấp; rủi ro kinh tế vĩ mô; rủi ro về kỹ thuật, vận hành; rủi ro về thi công, xây dựng; rủi ro về khả năng trả nợ của dự án), cuối cùng là tổng kết các rủi ro của dự án.

Bước 3: CBTĐ sẽ tiến hành thẩm định tài sản đảm bảo và đánh giá rủi ro về tài sản đảm bảo.

2.3.2. Các phương pháp phân tích rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án tại Ngân hàng

Có nhiều phương pháp phân tích rủi ro dự án với độ phức tạp và ý nghĩa thực tế khác nhau. Nhưng Techcombank chủ yếu sử dụng ba phương pháp phổ biến là phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích mô phỏng. Ngày nay thì phân tích rủi ro dự án rất được quan tâm nên Ngân hàng đã sử dụng nhiều phần mềm chuyên dụng để phân tích rủi ro dự án, giúp cho quá trình phân tích rủi ro được chính xác và có hiệu quả hơn.

a. Phương pháp phân tích độ nhạy

Hiệu quả của dự án phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố được dự báo trong khi lập dự án. Trong khi đó, dự báo luôn đi kèm với sự sai lệch, tương lai càng xa thì những biến động có thể càng phức tạp. Vì vậy, công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án cần phải đánh giá được sự ổn định của các chỉ tiêu hiệu quả của dự án khi các nhân tố đầu vào, đầu ra của dự án có sự biến động. Hay nói cách khác là cần phân tích độ nhạy của dự án theo các nhân tố biến động đó. Trong phương pháp phân tích độ nhạy, kinh nghiệm của các chuyên gia thẩm định là rất quan trọng vì họ với những kinh nghiệm tích lũy của mình mới dự kiến được các nhân tố nào có thể biến đổi, mức biến đổi là bao nhiêu so với giá trị ban đầu.

Phân tích độ nhạy là kỹ thuật phân tích nhằm thấy được sự ảnh hưởng của các biến độc lập lên biến phụ thuộc. Biến phụ thuộc cần thẩm định ở đây như NPV, IRR... Các biến độc lập tác động lên các biến phụ thuộc có thể là các thông số mà chúng ta đã lựa chọn, dự kiến sẽ thay đổi, có những rủi ro trong tương lai như: tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái, giá nguyên vật liệu, sản lượng tiêu thụ... Để áp dụng phương pháp này, cán bộ thẩm định sẽ cho các biến độc lập thay đổi theo một số tình huống dự kiến, rồi tính lại các biến phụ thuộc. Nếu các biến phụ thuộc vẫn đạt yêu cầu thì dự án được coi là ổn định và được chấp nhận. Ngược lại thì dự án bị coi là không ổn định, buộc phải xem xét điều chỉnh tính toán lại mới được đầu tư.

Phân tích độ nhạy có thể sử dụng ở từng cấp độ khác nhau: độ nhạy một chiều, hai chiều. Phân tích độ nhạy một chiều là loại phân tích tĩnh ở trạng thái tĩnh. Mỗi lần thử chỉ xem xét sự thay đổi của một biến và giả định các biến còn lại không đổi. Trong thực tế, rất khó xảy ra trường hợp lý tưởng như vậy. Mặt khác, phân tích độ nhạy giúp cho nhà quản trị xem và hình dung chứ không hề giúp cho họ dựa vào đó để ra một quyết định cụ thể nào cả. Còn phân tích độ nhạy hai chiều là kỹ thuật cho phép phân tích sự đồng thời của hai biến độc lập lên biến phụ thuộc.

Phương pháp thực hiện phân tích độ nhạy:

- Cho các biến số rủi ro thay đổi, kiểm soát hiện giá ròng theo từng biến số một.
- Phân tích cái gì sẽ xảy ra nếu như...
- Biến quan trọng phụ thuộc vào tỷ lệ của nó trong tổng lợi ích hoặc tổng chi phí của dự án và miền biến động của nó.
- Phân tích độ nhạy để thấy được hướng thay đổi của các kết quả đánh giá dự án.

Độ nhạy của một nhân tố tác động đến dự án có thể tính theo công thức sau đây:

$$E = \frac{\Delta F_i}{\Delta X_i}$$

Trong đó:

E: Hệ số độ nhạy

ΔF_i : Mức biến động của chỉ tiêu đánh giá

ΔX_i : Mức biến động của các nhân tố ảnh hưởng.

Phân tích độ nhạy giúp nhà phân tích xác định được miền hiệu quả của dự án, xác định được mức chi phí và mức thu nhập nào khi kết hợp với nhau thì dự án đáng giá (chẳng hạn, có $NPV > 0$). Phân tích độ nhạy còn giúp cho nhà đầu tư xác định được ngưỡng chấp nhận của một dự án.

Phân tích độ nhạy là một kỹ thuật phân tích rủi ro dự án tương đối đơn giản. Tuy nhiên, nhược điểm chính của kỹ thuật này là chưa tính đến xác suất có thể xảy ra của các biến rủi ro và nó cũng không thể đánh giá được cùng một lúc sự tác động của tất cả các biến rủi ro đến dự án.

b. Phương pháp phân tích tình huống

Phân tích tình huống dựa trên nhận thức cơ bản rằng các biến số có quan hệ qua lại với nhau. Như vậy, một vài biến số có thể thay đổi theo một kiểu nhất định tại cùng một thời điểm.

Phân tích tình huống là dạng phân tích tất định, trong đó một tập hợp của nhiều biến rủi ro được chọn do được đánh giá là mang lại rủi ro nhiều nhất và được sắp đặt theo các tình huống: lạc quan, trung bình, bi quan. Mục đích xem xét kết quả của dự án của trong các tình huống tốt nhất, trung bình, hay xấu nhất. Khi đó, việc lựa chọn dự án sẽ trở nên đơn giản khi có các kết quả rõ ràng: Chấp nhận dự án khi $NPV \geq 0$ ngay cả trong tình huống xấu nhất. Loại bỏ dự án khi $NPV < 0$ ngay cả trong tình huống tốt nhất.

Như vậy, muốn có kết quả cho mỗi tình huống ta phải tiến hành tính toán lại kết quả dự án dựa theo các dữ liệu của từng kịch bản. Có bao nhiêu kịch bản thì bấy nhiêu lần phải làm lại từ đầu. Để việc tính toán được dễ dàng và nhanh chóng, sử dụng phần mềm Excel để thực hiện phân tích này.

Phân tích tình huống bổ sung cho nhược điểm của phân tích độ nhạy ở chỗ nó xem xét đồng thời tác động của nhiều yếu tố. Tuy nhiên, nhược điểm của kỹ thuật này cũng là không chỉ ra được xác suất xảy ra của mỗi tình huống cũng như không quan tâm đến sự tương tác giữa các biến với nhau. Ngoài ra, kỹ thuật này cũng không thể phân tích hết được các tình huống có thể xảy ra trên thực tế.

c. Phân tích mô phỏng tính toán – Monte Carlo

Phân tích độ nhạy hay phân tích tình huống có nhược điểm là chỉ có thể quan sát một hoặc hai biến số nào đó tác động lên các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án. Nhưng trong bài toán, các biến số quan trọng đều có sự tương tác qua lại lẫn nhau (dù ít hay nhiều) và cùng lúc tác động lên các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án. Vậy để thấy hết được tác động của nhiều biến số lên các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án chúng ta phải sử dụng phương pháp mô phỏng tính toán – Monte Carlo. Sử dụng phần mềm Crystall Ball (Chạy trên nền Excel) để tính toán.

Phân tích mô phỏng còn được gọi là phương pháp thử nghiệm thống kê. Là một phương pháp phân tích mô tả các hiện tượng có chứa yếu tố ngẫu nhiên (như rủi ro trong dự án) nhằm tìm ra lời giải gần đúng. Mô phỏng được sử dụng trong phân tích rủi ro khi việc tính toán bằng cách giải tích quá phức tạp, thậm chí không thực hiện được – chẳng hạn: chuỗi ngân lưu là một tổ hợp phức tạp của nhiều tham số có tính chất ngẫu nhiên phải ước tính qua dự báo như: số lượng bán, giá bán, tuổi thọ, chi phí vận hành...

Thực chất của mô phỏng là lấy một cách ngẫu nhiên các giá trị có thể có của các biến ngẫu nhiên ở đầu vào và tính ra một kết quả thực nghiệm của đại lượng cần phân tích. Quá trình đó lặp lại nhiều lần để có một tập hợp đủ lớn các kết quả thử nghiệm. Tính toán thống kê các kết quả đó để có các đặc trưng thống kê cần thiết của kết quả cần phân tích.

Phương pháp mô phỏng cho phép:

- Cùng lúc tính toán phân phối xác suất và phạm vi khác nhau của các giá trị có thể của các biến số quan trọng của dự án
- Phân tích sự tương quan giữa các biến số.
- Tạo ra được một phạm vi phân phối xác suất các kết quả của dự án thay vì chỉ tính có một giá trị duy nhất.
- Phân phối xác suất các kết quả dự án có thể giúp cho những người ra quyết định thực hiện việc lựa chọn hoặc có thể giải thích và sử dụng.

Các bước thực hiện tính toán:

- **Bước 1:** Lập mô hình tính toán.
- **Bước 2:** Tìm các biến rủi ro (biến nhạy cảm và không chắc chắn). Biến rủi ro là các biến số có độ nhạy cảm cao.
- **Bước 3:** Định nghĩa về tính không chắc chắn của mỗi biến số:
 - + Xác định phạm vi giá trị cho các biến số được lựa chọn – biến rủi ro.
 - + Xác định phân phối xác suất: Phân phối chuẩn; Phân phối đều; Phân phối tam giác; Phân phối bậc thang.
- **Bước 4:** Phát hiện và định nghĩa các biến số khác có tương quan với biến rủi ro:
 - Tương quan dương và âm;
 - Mức độ tương quan.
- **Bước 5:** Đưa vào mô hình mô phỏng tính toán.
- **Bước 6:** Phân tích các kết quả.

Nhờ máy tính, Excel và một số công cụ khác, việc thực hiện các kỹ thuật phân tích bao gồm phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích mô phỏng cũng dễ dàng hơn. Tùy vào mỗi dự án mà cán bộ thẩm định sẽ áp dụng một hay nhiều phương pháp để đưa ra những đánh giá rủi ro có tính xác thực và tin cậy.

2.3.3. Nội dung đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án của Ngân hàng

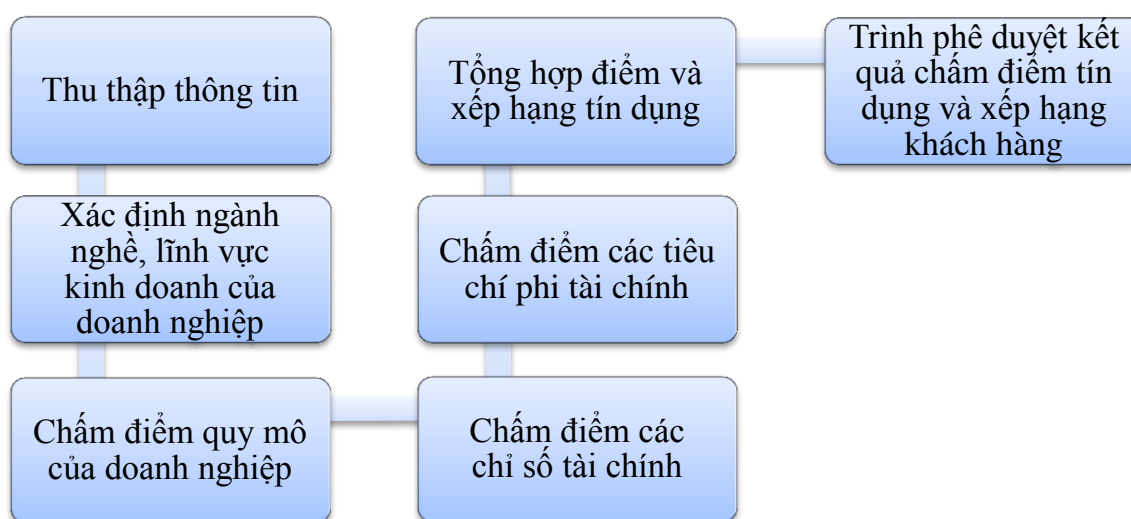
a. Đánh giá tư cách khách hàng (rủi ro về chủ đầu tư)

Khi đánh giá rủi ro từ phía chủ đầu tư, Ngân hàng sẽ xem xét các khía cạnh sau:

- *Rủi ro về năng lực pháp lý*: Rủi ro xảy ra khi khách hàng vay vốn không có đủ giấy tờ chứng minh năng lực pháp lý theo quy định hiện hành.
- *Rủi ro về năng lực quản lý điều hành*: Các rủi ro liên quan đến ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, rủi ro trong mô hình tổ chức lao động, rủi ro trong cách quản trị điều hành kinh doanh của lãnh đạo doanh nghiệp và rủi ro trong tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- *Rủi ro về năng lực tài chính của chủ đầu tư*: Tình hình tài chính của chủ đầu tư được thể hiện trên nhiều khía cạnh: cơ cấu nguồn vốn, khả năng sử dụng vốn; tình trạng các khoản phải thu khó đòi; dự phòng các khoản phải thu; tình trạng tài sản, nguồn vốn; cơ cấu vốn...

Để đánh giá rủi ro về chủ đầu tư, Ngân hàng sẽ tiến hành chấm điểm tín dụng. Khi xem xét tư cách của khách hàng thì Techcombank sẽ chia khách hàng ra thành khách hàng doanh nghiệp, tổ chức và khách hàng cá nhân.

Sơ đồ 2.3. Quy trình xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp, tổ chức



– ***Bước 1: Thu thập thông tin***

CBTD tiến hành điều tra, thu thập và tổng hợp thông tin về khách hàng và dự án từ các nguồn như:

- + Hồ sơ do khách hàng cung cấp: giấy tờ pháp lý và các báo cáo tài chính.
- + Phỏng vấn trực tiếp khách hàng.
- + Đi thăm thực địa khách hàng.
- + Báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng.
- + Các báo cáo nghiên cứu thị trường của các tổ chức chuyên nghiệp.
- + Phòng thông tin kinh tế tài chính của ngân hàng Techcombank.
- + Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (CIC).
- + Các nguồn khác...

– ***Bước 2: Xác định ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp***

Ngân hàng Techcombank áp dụng biểu điểm khác nhau cho 04 loại ngành nghề/lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau, gồm:

- + Nông, lâm và ngư nghiệp.
- + Thương mại và dịch vụ.
- + Xây dựng.
- + Công nghiệp.

Việc phân loại này căn cứ vào ngành nghề/lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính đăng ký trên giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề thì dựa trên ngành nghề/lĩnh vực đem lại tỷ trọng doanh thu lớn nhất cho doanh nghiệp.

– ***Bước 3: Chấm điểm quy mô của doanh nghiệp***

Quy mô của doanh nghiệp được xác định dựa vào các tiêu chí: vốn kinh doanh, lao động, doanh thu thuần và giá trị nộp ngân sách nhà nước.

Ngân hàng sẽ tiến hành chấm điểm quy mô theo các tiêu chí và xếp loại thành: quy mô lớn, vừa và nhỏ.

– **Bước 4: Chấm điểm các chỉ số tài chính**

Trên cơ sở xác định quy mô và ngành nghề/lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, CBTD sẽ chấm điểm các chỉ số tài chính của doanh nghiệp. Các chỉ số đó bao gồm: chỉ tiêu thanh khoản, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu cân nợ và chỉ tiêu thu nhập. Các chỉ số này được xác định theo số liệu báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp.

– **Bước 5: Chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính**

CBTD chấm điểm các chỉ phí tài chính của doanh nghiệp theo các tiêu chí: lưu chuyển tiền tệ; năng lực và kinh nghiệm quản lý; uy tín trong giao dịch; môi trường kinh doanh và các đặc điểm hoạt động khác.

Sau khi hoàn tất việc chấm điểm theo các tiêu chí trên thì CBTD sẽ tổng hợp điểm và đưa ra điểm số cho các chỉ tiêu phi tài chính.

– **Bước 6: Tổng hợp điểm và xếp hạng tín dụng**

Dựa trên điểm tài chính và phi tài chính, CBTD sẽ tổng hợp điểm dựa trên loại hình sở hữu doanh nghiệp. Sau đó xếp hạng doanh nghiệp như trong bảng 2.2.

– **Bước 7: Trình phê duyệt kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng**

Ngân hàng Techcombank xếp các khách hàng là doanh nghiệp theo 10 hạng có mức độ rủi ro từ thấp lên cao: AAA, AA, A, BBB, BB, B, CCC, CC, C, D như mô tả trong bảng 2.2.

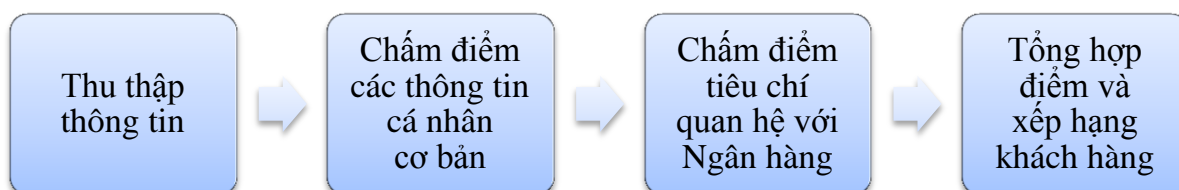
Bảng 2.3. Các loại xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp, tổ chức

Loại	Điểm	Đặc điểm	Mức độ rủi ro
AAA Loại tối ưu	92,4 - 100	Tình hình tài chính mạnh. Năng lực cao trong quản trị. Hoạt động đạt hiệu quả cao. Triển vọng phát triển lâu dài. Rất vững vàng trước những tác động của môi trường kinh doanh. Đạo đức tín dụng cao.	Thấp nhất
AA Loại ưu	84,8 – 92,3	Khả năng sinh lời tốt. Hoạt động hiệu quả và ổn định. Quản trị tốt. Triển vọng phát triển lâu dài. Đạo đức tín dụng tốt.	Thấp nhưng về dài hạn cao hơn khách hàng loại AAA

A Loại tốt	77,2 – 84,7	Tình hình tài chính ổn định nhưng có những hạn chế nhất định. Hoạt động hiệu quả nhưng không ổn định như khách hàng loại AA. Quản trị tốt. Triển vọng phát triển tốt. Đạo đức tín dụng tốt.	Thấp
BBB Loại khá	69,6 – 77,1	Hoạt động hiệu quả và có triển vọng trong ngắn hạn. Tình hình tài chính ổn định trong ngắn hạn do có một số hạn chế về tài chính và năng lực quản lý và có thể bị tác động mạnh bởi các điều kiện kinh tế, tài chính trong môi trường kinh doanh.	Trung bình
BB Loại trung bình khá	62 – 69,5	Tiềm lực tài chính trung bình, có những nguy cơ tiềm ẩn. Hoạt động kinh doanh tốt trong hiện tại nhưng dễ bị ảnh hưởng xấu bởi những biến động lớn trong hoạt động kinh doanh do sức ép cạnh tranh và sức ép từ nền kinh tế nói chung.	Trung bình , khả năng trả nợ gốc và lãi trong tương lai ít được đảm bảo hơn khách hàng loại BBB.
B Loại trung bình	54,4 – 61,9	Khả năng tự chủ tài chính thấp, dòng tiền biến động. Hiệu quả hoạt động kinh doanh không cao, chịu nhiều sức ép cạnh tranh mạnh mẽ hơn, dễ bị tác động lớn từ những biến động kinh tế nhỏ.	Cao , do khả năng tự chủ tài chính thấp. Ngân hàng chưa có nguy cơ mất vốn ngay nhưng lâu dài sẽ khó khăn nếu tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng không được cải thiện.
CCC Loại dưới trung bình	46,8 – 54,3	Hiệu quả hoạt động thấp, kết quả kinh doanh nhiều biến động. Năng lực tài chính yếu, bị thua lỗ trong một hay một số năm tài chính gần đây và hiện tại đang cố gắng để duy trì khả năng sinh lợi. Năng lực quản lý kém.	Cao , là mức cao nhất có thể chấp nhận; xác suất vi phạm hợp đồng tín dụng cao nếu không có những biện pháp kịp thời, ngân hàng có nguy cơ mất vốn trong ngắn hạn.

CC Loại xa dưới trung bình	39,2 – 46,7	Hiệu quả hoạt động thấp. Năng lực tài chính yếu kém, đã có nợ quá hạn (dưới 90 ngày). Năng lực quản lý kém.	Rất cao , khả năng trả nợ ngân hàng kém, nếu không có những biện pháp kịp thời, ngân hàng có nguy cơ mất vốn trong ngắn hạn.
C Loại yếu kém	31,6 – 39,1	Hiệu quả hoạt động rất thấp, bị thua lỗ, không có triển vọng phục hồi. Năng lực tài chính yếu kém, đã có nợ quá hạn. Năng lực quản lý kém.	Rất cao , ngân hàng sẽ phải mất nhiều thời gian và công sức để thu hồi vốn cho vay.
D Loại rất yếu kém	< 31,6	Các khách hàng này bị thua lỗ kéo dài, tài chính yếu kém, có nợ khó đòi, năng lực quản lý kém.	Đặc biệt cao , ngân hàng hầu như sẽ không thể thu hồi được vốn cho vay.

Sơ đồ 2.4. Quy trình xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân



– **Bước 1: Thu thập thông tin**

- + CBTD tiến hành điều tra, thu thập và tổng hợp thông tin về khách hàng từ các nguồn:
- + Hồ sơ do khách hàng cung cấp: giấy tờ pháp lý (chứng minh nhân dân, xác nhận của tổ chức quản lý lao động, xác nhận của chính quyền địa phương, văn bằng, chứng chỉ...);
- + Phỏng vấn trực tiếp khách hàng;
- + Các nguồn khác...

– **Bước 2: Chấm điểm các thông tin cá nhân cơ bản**

Ngân hàng chấm điểm thông tin cá nhân khách hàng dựa trên nhóm tuổi và kết hợp các chỉ tiêu sau: độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thời gian công tác, thời gian làm công việc hiện tại, tình trạng nhà ở, cơ cấu gia đình, số người ăn theo, thu nhập cá nhân hàng năm và thu nhập của cả gia đình một năm.

CBTD tổng hợp điểm của khách hàng. Nếu tổng điểm < 0 thì chấm dứt quá trình chấm điểm và từ chối cấp tín dụng. Nếu khách hàng đạt tổng điểm > 0 thì tiếp tục bước 3: Chấm điểm tiêu chí quan hệ với ngân hàng.

– **Bước 3: Chấm điểm tiêu chí quan hệ với Ngân hàng**

CBTD chấm điểm tiêu chí quan hệ với ngân hàng thông qua các chỉ tiêu: Tình hình trả nợ với Techcombank, tình hình chậm trả lãi, tổng dư nợ hiện tại, các dịch vụ khác mà sử dụng của Techcombank, số dư tiền gửi tiết kiệm trung bình tại Techcombank.

– **Bước 4: Tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng**

CBTD tổng hợp điểm bằng cách cộng điểm ở bước 2 và bước 3. Sau đó, CBTD xếp hạng khách hàng như trong bảng 2.3. Khách hàng là cá nhân được Techcombank xếp thành 10 hạng có mức độ rủi ro từ thấp lên cao: Aaa, Aa, a, Bbb, Bb, b, Ccc, Cc, c, d.

Bảng 2.4. Các loại xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân

Loại	Điểm	Mức độ rủi ro
Aaa	≥ 401	Thấp
Aa	351 – 400	Thấp
A	301 – 350	Thấp
Bbb	251 – 300	Thấp
Bb	201 – 250	Trung bình
B	151 – 200	Trung bình
Ccc	101 – 150	Trung bình
Cc	51 – 100	Cao
C	0 – 50	Cao
D	< 0	Cao

b. Đánh giá về rủi ro dự án xin vay vốn

Việc đánh giá rủi ro của một dự án đầu tư để đưa ra kết luận về tính khả thi, khả năng trả nợ và những rủi ro có thể xảy ra đối với các dự án đầu tư. Các khía cạnh của dự án được xem xét để đánh giá rủi ro:

- *Rủi ro về cơ chế chính sách*: Cán bộ thẩm định phân tích rủi ro về cơ chế chính sách thông qua việc trả lời hàng loạt các câu hỏi về thuế, về luật, các quy định, chính sách của nhà nước. Loại rủi ro này rất khó dự đoán và phòng tránh nhưng lại thường gây ra thiệt hại lớn cho nhà đầu tư. Đây là mối quan ngại hàng đầu đối với một dự án đầu tư.
- *Rủi ro về cung cấp*: Rủi ro xảy ra khi dự án không có nguồn nguyên liệu với số lượng, giá cả và chất lượng theo yêu cầu để thực hiện dự án. Cán bộ thẩm định sẽ đánh giá, phân tích yếu tố này nhằm đánh giá những loại rủi ro tác động trực tiếp tới chất lượng sản phẩm dịch vụ, gây ra các khó khăn cho việc vận hành và thanh toán các khoản nợ của dự án. Dựa trên những đánh giá đó, cán bộ thẩm định sẽ rút ra hai vấn đề chính: dự án có chủ động được nguồn nguyên liệu hay không và những thuận lợi, khó khăn đi kèm với việc có thể chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào.
- *Rủi ro về thị trường, thu nhập và thanh toán*: Bao gồm các rủi ro như thị trường không chấp nhận hoặc không đủ cầu đối với sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án; sức ép cạnh tranh; giá bán không đủ bù đắp chi phí... Ngân hàng cần xem xét, quan tâm đến một số lĩnh vực có liên quan:
 - + Tiềm năng của thị trường hiện tại của sản phẩm và các yếu tố tác động đến nhu cầu của sản phẩm.
 - + Khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với sản phẩm nội hay ngoại, sản phẩm tương lai.
 - + Khách hàng mục tiêu và khách hàng tiềm năng.
 - + Giá cả; chất lượng, mẫu mã; nơi phân phối và các hoạt động xúc tiến sản phẩm.Từ các vấn đề trên, cán bộ thẩm định nhận xét, đánh giá về thị trường hiện tại cũng như tương lai đối với sản phẩm của dự án để có ý kiến báo cáo thẩm định và phát hiện các rủi ro mà dự án có thể gặp phải.
- *Rủi ro về kỹ thuật*: Những rủi ro liên quan đến địa điểm xây dựng, quy mô sản xuất, công nghệ, thiết bị, máy móc, tác động đến môi trường, phòng cháy

chữa cháy. Đây là nội dung đánh giá khá phức tạp, khó khăn cho các cán bộ thẩm định do các cán bộ tại ngân hàng không thể am hiểu chuyên sâu về công nghệ kỹ thuật của nhiều ngành. Nếu cần thiết thì cần phải thuê các chuyên gia tư vấn để đưa ra đánh giá chính xác hơn.

- *Rủi ro về tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn*: Rủi ro xảy ra khi tổng vốn đầu tư tăng quá lớn so với dự kiến ban đầu, dẫn đến không cân đối được nguồn vốn, ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của dự án. Các cán bộ thẩm định xem xét, đánh giá về lượng vốn sẽ cho vay, quá trình cấp tín dụng cho khách hàng.
- *Rủi ro về hiệu quả tài chính của dự án và độ nhạy của dự án*: Đây là một công việc xuyên suốt toàn bộ việc đánh giá rủi ro của dự án. Nếu có bất kỳ sự sai sót nào phía trên cũng có thể dẫn đến sai sót khi tính toán dòng tiền và các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án.

c. Đánh giá về tài sản đảm bảo

Rủi ro về tài sản đảm bảo là tất cả các rủi ro liên quan đến tài sản của khách hàng khi sử dụng vật làm đảm bảo để vay tiền ngân hàng. Các loại tài sản đảm bảo bao gồm: Tài sản (giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý, bất động sản, động sản), các quyền, bảo lãnh của bên thứ ba...

2.3.4. Nghiên cứu tình huống về đánh giá rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án cho vay đối với Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử

- Nhận hồ sơ: 29/06/2011
- Phản hồi: 30/06/2011
- Bổ sung thông tin lần cuối: 01/07/2011
- Hoàn thành ý kiến tái thẩm định: 01/07/2011
- Ngân hàng thống nhất/ phản hồi ý kiến tái thẩm định: 04/07/2011
- Trình chuyên gia phê duyệt: 04/07/2011

Tóm tắt đề xuất về dự án

Tên khách hàng	Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử	Tên viết tắt: EH Co. Ltd
Giá trị đề xuất	100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)	Thời hạn sử dụng: 12 tháng. Thời hạn giải ngân: 3 tháng.
Mục đích	Bổ sung vốn kinh doanh Máy điều hòa không khí (MĐHKK) Panasonic.	
Tài sản đảm bảo	Hàng hóa.	
Ghi chú đặc biệt	Công ty TNHH Một thành viên, Tổng giám đốc là người nước ngoài có thể tạm trú tại Việt Nam. Đơn vị cấp giấy đăng ký kinh doanh là UBND TP.Hồ Chí Minh, thời hạn đăng ký hoạt động là 5 năm, tính từ tháng 10/2010.	

- a. Đánh giá về khách hàng
- Công ty TNHH Một thành viên Ngôi Nhà Điện Tử:
 - + Giấy phép Kinh doanh: 411043001435 - Cấp ngày 02/10/2010;
 - + Mã số thuế: 0310378426;
 - + Địa chỉ: 80S Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Quan hệ với Techcombank: Khách hàng lần đầu đặt quan hệ tín dụng với Techcombank.
 - Quan hệ với các tổ chức tín dụng khác:

Tên Ngân Hàng	Ngắn hạn		
	Hạn mức	Số dư	Tài sản đảm bảo
Maritime Bank – CN HCM	20,5 tỷ đồng	0 đồng	STK 500.000 USD
Overseas Bank	37 tỷ đồng	37 tỷ đồng	Thư BL 3 triệu USD
Standard Chartered Bank	95 tỷ đồng	95 tỷ đồng	STK
Tổng cộng	152,9 tỷ đồng	132 tỷ đồng	

- Doanh nghiệp xin vay vốn với tư cách cá nhân nên tính điểm xếp hạng tín dụng đối với khách hàng theo quy trình chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân. Xếp hạng cho công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử là B (129,24 điểm). Mức rủi ro của khách hàng là trung bình.

– Hoạt động kinh doanh của khách hàng:

- + Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử tuy mới thành lập từ tháng 10/2010 nhưng doanh thu trong 02 tháng cuối năm đạt được khá ấn tượng (hơn 100 tỷ đồng). Có được lợi thế này là do:

Công ty là nhà phân phối máy điều hòa khí hậu tại khu vực phía Nam cho công ty TNHH Panasonic Việt Nam, thay thế Công ty TNHH Thiên Thuận Tường nên được kế thừa hệ thống mạng lưới sẵn có từ công ty cũ để lại.

Giám đốc điều hành là Ông Tay Hang Cho. Trước đây, ông Cho đã từng làm việc tại Công ty TNHH Thiên Thuận Tường nên khá am hiểu về thị trường tiêu thụ máy điều hòa khí hậu tại địa bàn phía Nam.

- + Năm 2011 thì Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử được phân bổ chỉ tiêu nhập 180.000 bộ máy điều hòa khí hậu, tương đương 1.530 tỷ đồng (giá nhập trung bình 8,5 triệu đồng/bộ). Đây là một chỉ tiêu khá lớn đối với một doanh nghiệp mới thành lập như Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử. Công ty có một số điều kiện thuận lợi sau:

Ngoài hai lợi thế sẵn có như đã phân tích trên, trong thời gian qua Công ty đã tăng cường công tác mở rộng đại lý tiêu thụ và thay đổi chính sách bán hàng. Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số đại lý đã hơn 15 đại lý và tất cả các đơn vị này đều là những đơn vị lớn và có uy tín do phần lớn trước đó đã có giao dịch với Công ty TNHH Thiên Thuận Tường.

Doanh thu trong thời gian qua ổn định và tăng trưởng tốt, doanh số bán ra trong năm tháng đầu năm đạt hơn 500 tỷ đồng, doanh số bán ra bình quân mỗi tháng khoảng 100 tỷ đồng.

Công ty được mua hàng trả chậm 30 ngày sau ngày hóa đơn.

– Kết quả kinh doanh của Công ty

Bảng 2.5. Bảng kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử

Chỉ tiêu	11/2010	12/2010	01/2011	02/2011	03/2011	04/2011	05/2011
Doanh thu (triệu đồng)	40.859	65.369	44.106	147.160	28.050	68.583	218.210
Lợi nhuận (triệu đồng)	3.205	3.907	3.800	7.802	2.034	/	/
Tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu (%)	7,8	5,9	8,6	5,3	7,2	/	/

(Nguồn: Phòng thẩm định dự án – Hội sở chính Techcombank)

Nhận xét:

- + Công ty kinh doanh mặt hàng máy điều hòa không khí, thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh hàng tháng nên số liệu tài chính thường xuyên được cập nhật. Doanh thu các tháng phản ánh đúng tình hình bán hàng và phù hợp với doanh số bán ra theo tờ khai VAT.
- + Doanh thu các tháng tuy có sự tăng trưởng chưa ổn định nhưng có sự tăng trưởng tốt, doanh thu bình quân hai tháng cuối năm 2010 là 53,1 tỷ đồng/tháng, doanh thu bình quân năm tháng đầu năm 2011 là 101,2 tỷ đồng.
- + Nhìn chung, Công ty hoạt động kinh doanh ổn định và có hiệu quả.
- Tình hình tài chính

Bảng 2.6. Bảng tình hình tài chính của Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử

Đơn vị: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
<u>1.TSNH</u>	<u>120.808</u>	<u>184.351</u>	<u>199.138</u>	<u>1.Nợ ngắn hạn</u>	<u>93.649</u>	<u>152.282</u>	<u>164.355</u>
Tiền	4.370	13.338	21.913	Vay ngắn hạn	9.262	44.262	-
Phải thu KH	25.643	147.109	53.505	Phải trả NB	84.370	97.165	140.160
Hàng TK	82.670	23.334	114.348	<u>2.Nợ dài hạn</u>	<u>5.495</u>	<u>10.575</u>	<u>24.348</u>
<u>2.TSDN</u>	<u>145</u>	<u>143</u>	<u>141</u>	<u>3.Vốn CHS</u>	<u>21.808</u>	<u>32.211</u>	<u>34.924</u>
TSCĐ HH	108	107	105	Vốn đầu tư CSH	9.500	9.500	9.500
TS vô hình	36	36	36	LN chưa PP	12.309	22.711	25.424
<u>Tổng cộng</u>	<u>120.953</u>	<u>184.494</u>	<u>199.279</u>	<u>Tổng cộng</u>	<u>120.953</u>	<u>184.494</u>	<u>199.279</u>
				<u>VLĐ ròng</u>	<u>27.195</u>	<u>32.104</u>	<u>59.167</u>

(Nguồn: Phòng thẩm định dự án – Hội sở chính Techcombank)

Nhận xét:

- + Báo cáo tài chính chưa qua kiểm toán độc lập, công ty không bị mất cân đối vốn tại các kỳ lập báo cáo.
- + Giá trị hàng tồn kho tính đến cuối tháng 03 tăng khá cao so với các tháng trước. Theo phân tích của Chi nhánh thì các mặt hàng máy điều hòa không khí sẽ bán chạy trong khoảng từ tháng 04 – 07 hàng năm, do đó việc tăng dự trữ hàng là điều hợp lý. Bên cạnh đó, doanh thu bình quân hàng tháng hiện nay khoảng 100 tỷ đồng, như vậy mức tồn kho như trên là bình thường.

- + Báo cáo xuất nhập tồn kho cho thấy tình hình nhập xuất hàng phát sinh thường xuyên với khoảng hơn 15 đối tác lớn như Công ty Nguyễn Kim, DN Quảng Dương (showroom: 211 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3). Công ty Hồng Lợi Nam (87-91-93 Phạm Đình Hổ, P2, Q.6), Công ty Thiên Nam Hòa (277B Cách Mạng Tháng Tám, P12, Q10.)...Trong đó, có cả Công ty Cổ phần Máy Tính Viễn Thông Hợp Nhất (đã tuyên bố phá sản) nhưng theo báo cáo các khoản phải thu đến 31/03/2011 thì hiện nay toàn bộ số nợ 1,6 tỷ đồng từ công ty này đã thu đủ.
- + Các khoản vay ngắn hạn phát sinh dư nợ cao bắt đầu từ tháng 04 nên Báo cáo tài chính đến 31/03/2011 chưa kịp ghi nhận, theo CIC ngày 10/06/2011 thì tổng dư nợ ngắn hạn đến 31/05/2011 của Công ty là 153 tỷ đồng, nếu trừ đi phần dư nợ 20,5 tỷ đồng tại Maritime Bank thì dư nợ hiện nay khoảng 132 tỷ đồng. Cũng theo CIC thì Công ty không có dư nợ trung dài hạn, nhưng trên bảng cân đối kế toán có thể hiện khoản vay và nợ dài hạn là 24,3 tỷ đồng (tại 31/03/2011). Được biết, đây là khoản vay của Ông Cho – Tổng Giám đốc.
- + Là công ty thương mại nhưng Đòn cân nợ khá cao (3,7 lần), tuy nhiên nợ vay ngân hàng được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm và thư bảo lãnh nên cho thấy khả năng tài chính của công ty không đáng lo ngại.
- + Nhìn chung, tài chính công ty bình thường.

b. Đánh giá nhu cầu tín dụng của khách hàng

So sánh với các điều kiện tài trợ sản phẩm Điện tử Điện máy:

Theo sản phẩm Điện tử Điện máy	Điều kiện khách hàng
Có thời gian hoạt động kinh doanh tối thiểu trên 03 năm hoặc chủ sở hữu/ người điều hành doanh nghiệp có kinh nghiệm trong ngành tối thiểu 05 năm.	Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử tuy mới thành lập từ tháng 10/2010 nhưng Tổng Giám Đốc – Ông Tay Hang Cho kinh doanh trong lĩnh vực điện tử điện lạnh tại Việt Nam từ năm 2005.
Không có dư nợ loại 3-5 tại Techcombank và các tổ chức tín dụng khác trong vòng 12 tháng gần nhất.	Công ty không có dư nợ loại 3-5 tại các tổ chức tín dụng.

Tỷ lệ VCSH/Tổng nguồn vốn ít nhất 15%.	Tỷ lệ VCSH/Tổng nguồn vốn tại 31/03/2011 là 17,5%.
Có địa điểm bán hàng với diện tích mặt bằng địa điểm bán tối thiểu 250m ² , địa điểm bán thuộc sở hữu của khách hàng hoặc do khách hàng thuê và thời hạn thuê còn hiệu lực ít nhất 12 tháng tính từ thời điểm vay vốn. Hàng hóa quản lý theo phương thức kho hàng luân chuyển.	Công ty là nhà phân phối máy điều hòa không khí Panasonic, không trực tiếp bán sản phẩm ra thị trường. Do đó, Ngân hàng đề xuất phương thức quản lý bán hàng hai bên, có bảo vệ 24/24h.
Xếp hạng B hoặc tương đương B trở lên.	Xếp hạng B.
Khách hàng mở tài khoản tại Techcombank và cam kết doanh số dòng tiền hoạt động kinh doanh về tài khoản tương ứng với tỷ lệ tài trợ của Techcombank so với doanh thu của khách hàng và tối thiểu sau 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên doanh số ghi có tối thiểu hàng tháng phải đạt 130% dư nợ bình quân của khách hàng.	Công ty cam kết bằng văn bản đảm bảo doanh số ghi có qua tài khoản tại Techcombank. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp hạn mức đạt tối thiểu 20 tỷ đồng/tháng và trong vòng 06 tháng đạt tối thiểu 25 tỷ đồng/tháng, thời gian sau đó phải đảm bảo doanh số ghi có tối thiểu 30 tỷ đồng/tháng.

c. Kết luận và đề xuất

Xét thấy việc cấp tín dụng cho khách hàng, Techcombank có thể phát triển các dịch vụ cung cấp cho hệ thống nhà phân phối/ đại lý. Trên cơ sở đánh giá toàn bộ hồ sơ, Phòng Thẩm định thống nhất đề xuất cấp hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng cho khách hàng. Tuy nhiên, do đây là khách hàng mới đặt quan hệ tín dụng với Techcombank, lại mới thành lập nên việc sử dụng hạn mức sẽ thực hiện theo lộ trình và theo các điều kiện của Sản phẩm Điện tử Điện máy theo đề xuất dưới đây:

– **Giá trị:** 100.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Trước mắt chỉ cho sử dụng hạn mức tối đa 40 tỷ đồng, sau 02 tháng sẽ xem xét việc tăng hạn mức theo lộ trình dòng tiền về như sau:

1. Nếu doanh số tiền về 30 tỷ đồng/tháng, hạn mức tối đa được sử dụng 50 tỷ đồng.
2. Nếu doanh số tiền về 40 tỷ đồng/tháng, hạn mức tối đa được sử dụng 60 tỷ đồng.
3. Nếu doanh số tiền về 60 tỷ đồng/tháng, hạn mức tối đa được sử dụng 80 tỷ đồng.
4. Nếu doanh số tiền về 80 tỷ đồng/tháng, hạn mức tối đa được sử dụng 100 tỷ đồng.
5. Doanh số tiền về bình quân mỗi tháng trong quý 3/2011 tối thiểu là 40 tỷ đồng.
6. Doanh số tiền về bình quân mỗi tháng trong quý 4/2011 tối thiểu là 70 tỷ đồng.

– **Mục đích:** Bổ sung vốn kinh doanh máy điều hòa không khí Panasonic.

– **Thời hạn hạn mức:** 12 tháng.

– **Thời hạn khoản giải ngân trong hạn mức:** tối đa 03 tháng.

– **Phương thức thu nợ:** Nợ lãi thu hàng tháng theo dư nợ thực tế;

Nợ gốc thu cuối kỳ.

– **Điều kiện giải ngân:**

+ Khách hàng tất toán dư nợ và chuyển tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm 500.000 USD từ Maritime Bank về Techcombank và duy trì sổ tiết kiệm này tại Techcombank tối thiểu trong 06 tháng.

+ Giải ngân trên cơ sở có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hàng tháng của khách hàng và căn cứ theo chỉ tiêu phân bổ tiêu thụ hàng trong năm của Công ty Panasonic Việt Nam giao cho khách hàng.

+ Chỉ giải ngân thanh toán sau khi hàng hóa đã nhập kho, không giải ngân ứng trước.

– **Lãi suất:** Theo quy định của Techcombank tại thời điểm nhận nợ.

– **Phương thức giải ngân:** Chuyển khoản 100% cho nhà cung cấp là Công ty TNHH Panasonic Việt Nam.

– **Chứng từ giải ngân:**

+ Phương án kinh doanh, hóa đơn VAT, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu nghiệm thu, phiếu bảo hành, chứng từ chứng minh vốn tự có đã đi trước (chứng từ này phải được thực hiện qua hệ thống ngân hàng).

+ Ngân hàng bổ sung biên bản kiểm tra sử dụng vốn của lần giải ngân trước nếu hai lần giải ngân liên kế cách nhau trên 05 ngày.

- **Tỷ lệ giải ngân:** Tối đa không vượt quá 85% giá trị chứng từ đầu vào của Phương án kinh doanh nhưng không vượt quá giá trị tài sản đảm bảo.
- **Kiểm tra sử dụng vốn vay:** Theo quy định của sản phẩm cấp Tín dụng cho các Doanh nghiệp kinh doanh Điện tử Điện máy.
- **Tài sản bảo đảm:**
 - + Thứ tự ưu tiên nhận tài sản đảm bảo: Sổ tiết kiệm → Bất động sản → Hàng hóa hai bên.
 - + Thứ tự ưu tiên giải chấp tài sản đảm bảo: ngược lại.
- **Điều kiện về hàng hóa:**
 - + Loại hàng:

Máy điều hòa không khí Panasonic mới 100% đi nguyên bộ, có nguồn gốc rõ ràng, đầy đủ chứng từ mua hàng hóa (Hợp đồng, đơn đặt hàng, hóa đơn mua bán, phiếu nghiệm thu, phiếu bảo hành) bản gốc.

Thời hạn nhập kho đến khi thể chấp tối đa 03 tháng, thời hạn lưu kho tối đa 06 tháng (thể hiện trong phiếu nhập kho hoặc báo cáo xuất khẩu tồn).

Hàng hóa trong kho được quản lý bằng phần mềm kế toán online, tự động cập nhật tất cả các hoạt động xuất nhập kho.

Hàng hóa được mua bảo hiểm theo đúng quy định của Techcombank về nhận thể chấp tài sản đảm bảo là hàng hóa.
 - + Phương thức quản lý:

Hàng hóa để tại kho của Công ty và toàn bộ hàng hóa trong kho này được thể chấp duy nhất cho Techcombank. Trường hợp kho hàng là kho thuê thì khách hàng phải đảm bảo thời gian thuê tối thiểu trên 01 năm và hợp đồng thuê phải được cơ quan nhà nước tại địa bàn thuê kho xác nhận.

Hàng được quản lý kho hàng theo phương thức kho hàng hai bên, có AMC hoặc bảo vệ quản lý xuất nhập khẩu 24/24. Giám đốc vùng sẽ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý kho hàng tại mọi thời điểm, đảm bảo đủ cho dư nợ tại Techcombank.

Định kỳ 02 tuần/lần, chuyên viên khách hàng đi kiểm tra thực tế kho hàng. Định kỳ hàng tháng Giám đốc chi nhánh đi kiểm tra thực tế kho, lập biên

bản lưu hồ sơ tín dụng; khách hàng gửi báo cáo hàng tồn kho, các hóa đơn/đơn đặt hàng đã ký mới theo định kỳ và phát sinh mới, tình hình thực hiện các hóa đơn/đơn đặt hàng đã ký, giao hàng, theo dõi tiền về.

Định kỳ hoặc đột xuất (03 tháng/lần), Giám đốc vùng và Giám đốc chi nhánh tổ chức thực hiện việc kiểm kê kho hàng, lập biên bản lưu hồ sơ tín dụng, đảm bảo hàng hóa trong kho đủ đảm bảo cho dư nợ của khách hàng tại Techcombank.

Trường hợp khách hàng không tuân thủ đúng các cam kết về chuyển dòng tiền về Techcombank, Ngân hàng thực hiện các “Nguyên tắc xử lý khi khách hàng vi phạm điều kiện bắt buộc” theo *Sản phẩm cấp tín dụng cho doanh nghiệp kinh doanh Điện tử Điện máy*.

Đánh giá về công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án vay vốn của Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử:

Dựa trên kết quả thẩm định dự án thì Cán bộ thẩm định đã tiến hành đánh giá rủi ro của dự án. Nhưng ta có thể thấy, quá trình đánh giá rủi ro của Ngân hàng chưa thực hiện theo đúng các khía cạnh đã trình bày ở mục 2.3.3.

– Đối với rủi ro về chủ đầu tư:

Ngân hàng đã đánh giá đủ các rủi ro từ phía chủ đầu tư: rủi ro về năng lực pháp lý, rủi ro về năng lực quản lý điều hành và rủi ro về năng lực tài chính của chủ đầu tư. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã tiến hành chấm điểm tín dụng cho chủ đầu tư.

Chất lượng tín dụng:

- + Theo thông tin CIC ngày 10/06/2011 thì khách hàng đang quan hệ tín dụng với ba tổ chức tín dụng như trên, tổng dư nợ cập nhật đến 31/05/2011 khoảng 153 tỷ đồng, thời điểm phát sinh dư nợ khoảng từ tháng 2/2011. Chất lượng tín dụng: Nợ nhóm 1.
- + Theo xác minh của Ngân hàng thì hiện nay khách hàng đã tắt toán toàn bộ dư nợ 20,5 tỷ đồng tại Maritime Bank và nếu được Techcombank tài trợ, khách hàng sẽ chuyển toàn bộ giao dịch từ Maritime Bank về Techcombank.
- + Tuy dư nợ tại các tổ chức tín dụng khá cao nhưng tài sản đảm bảo thế chấp là sổ tiết kiệm và thư bảo lãnh. Điều này cho thấy khả năng tài chính của khách hàng tốt.

– **Đối với rủi ro dự án:**

- + *Rủi ro về cơ chế chính sách:* Ngân hàng chưa có những đánh giá, phân tích rủi ro về các chính sách thuế suất, lãi suất cho vay. Những chính sách ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí của doanh nghiệp. Hay chính sách về tăng giá điện cũng có thể ảnh hưởng đến nhu cầu về sản phẩm máy điều hòa không khí và giảm doanh thu của doanh nghiệp.
- + *Rủi ro về cung cấp:* Ngân hàng đã đưa ra nguồn cung cấp hàng cho doanh nghiệp là Công ty TNHH Panasonic Việt Nam. Với điều khoản là thanh toán khi hàng đã nhập kho thì rủi ro về cung cấp ở mức rất thấp. Thêm nữa, Ngân hàng cũng đưa ra điều kiện về chất lượng hàng hóa khi nhập kho nên đảm bảo rủi ro là rất ít.
- + *Rủi ro về thị trường, thu nhập và thanh khoản:* Công ty TNHH Ngôi Nhà Điện Tử là doanh nghiệp phân phối hàng bán buôn cho các đối tác bán lẻ lớn như Nguyễn Kim, Quảng Dương... nên thị trường đầu ra rất cao. Tuy nhiên, Ngân hàng cũng chưa có các phân tích, đánh giá về đối thủ cạnh tranh hay nhu cầu thị trường. Vì sản phẩm máy điều hòa không khí là sản phẩm chỉ bán chạy vào mùa nóng.
- + *Rủi ro về kỹ thuật:* Công ty chỉ là đơn vị phân phối, không phải là đơn vị sản xuất nên rủi ro về kỹ thuật không được Ngân hàng đánh giá.
- + *Rủi ro về tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn:* Doanh nghiệp mua hàng để bán trung gian, do vậy vốn nhằm mục đích duy nhất là nhập hàng. Thêm nữa, vốn ngân hàng cấp là chuyển khoản trực tiếp cho nhà cung cấp nên rủi ro về tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn cũng được Ngân hàng bỏ qua khi đánh giá rủi ro.
- + *Rủi ro về hiệu quả tài chính của dự án và độ nhạy của dự án:* Trong các phương pháp đánh giá rủi ro, Ngân hàng đã tiến hành tính độ nhạy của dự án để xem xét sự tác động của doanh thu và chi phí lên NPV và IRR. Các biến doanh thu và chi phí thay đổi theo 06 phương án: tăng 5%, 10%, 20% và giảm 5%, 10%, 20%.

Bảng 2.7. Bảng tính các chỉ tiêu khi doanh thu thay đổi

Chỉ tiêu	Thay đổi doanh thu						
	80%	90%	95%	100%	105%	110%	120%
NPV (triệu đồng)	21.775	22.286	22.546	22.808	23.071	23.336	23.873
IRR (%)	15,24	16,85	17,54	17,73	17,93	18,61	19,94
Thời gian trả nợ (năm)	5	4	3	3	3	2	2

(Nguồn: Phòng thẩm định dự án – Hội sở chính Techcombank)

Bảng 2.8. Bảng tính các chỉ tiêu khi chi phí thay đổi

Chỉ tiêu	Thay đổi chi phí						
	80%	90%	95%	100%	105%	110%	120%
NPV (triệu đồng)	24.610	24.740	23.720	22.808	21.667	20.151	18.931
IRR (%)	20,05	19,63	18,11	17,73	17,25	15,89	15,31
Thời gian trả nợ (năm)	2	3	3	3	4	5	6

(Nguồn: Phòng thẩm định dự án – Hội sở chính Techcombank)

Dựa trên hai bảng tính chỉ tiêu khi chi phí thay đổi, ta thấy dự án có độ nhạy tương đối hợp lý. Dự án không hiệu quả trong trường hợp doanh thu giảm 20% và chi phí tăng 10% trở lên vì thời gian trả nợ lớn hơn 4 năm. Nếu doanh thu tăng trên 10% và chi phí giảm 20% thì dự án đạt hiệu quả cao vì thời gian trả nợ chỉ còn 2 năm, NPV là khoảng 24 tỷ và IRR ở mức trung bình 20%.

Tóm lại, hiệu quả tài chính của dự án ở mức khả quan, khả năng chịu đựng rủi ro đối với các giả định đầu ra, đầu vào tương đối tốt. Tuy nhiên phân tích độ nhạy mới chỉ áp dụng một chiều và sử dụng biến doanh thu và chi phí; mức độ biến động dựa trên ý kiến chủ quan của CBTĐ nên chưa đánh giá được một cách toàn diện về rủi ro hiệu quả tài chính của dự án.

Để giảm rủi ro ở mức tối thiểu, Ngân hàng yêu cầu Công ty ký cam kết đảm bảo doanh số hàng tháng tối thiểu ghi có vào tài khoản Techcombank: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp hạn mức đạt tối thiểu 20 tỷ đồng/tháng và trong vòng 06 tháng đạt

tối thiểu 25 tỷ đồng/tháng, thời gian sau đó phải đảm bảo doanh số ghi có tối thiểu 30 tỷ đồng/tháng. Bên cạnh đó, việc cấp tín dụng theo hạn mức còn phụ thuộc vào mức doanh thu của Công ty làm điều kiện ràng buộc vay vốn.

– ***Đối với rủi ro tài sản đảm bảo:***

Ngân hàng cũng chưa phân tích chi tiết các rủi ro có thể liên quan. Nhưng vì tài sản đảm bảo của doanh nghiệp là sổ tiết kiệm và hàng hóa nên có tính thanh khoản và tính an toàn cao. Cũng chính vì thế mà các đánh giá rủi ro ít được tập trung hơn so với các tài sản đảm bảo khác như bất động sản. Ngoài ra, Ngân hàng đưa ra các điều kiện về quản lý hàng hóa hai bên nghiêm ngặt nên rủi ro được kiểm soát.

2.4. Đánh giá chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng

2.4.1. Những kết quả đạt được

a. Về thông tin

Công tác thu thập thông tin: CBTĐ thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng cũng như dự án thông qua hồ sơ dự án, phần còn thiếu thì đã được kịp thời yêu cầu khách hàng bổ sung. Bên cạnh đó, cán bộ Ngân hàng đã linh hoạt thu thập thêm thông tin từ việc đi khảo sát thực tế, trên mạng và từ trung tâm CIC của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, thông tin được đảm bảo có cả yếu tố chủ quan và khách quan.

Công tác xử lý thông tin: Thông tin thu thập về được cán bộ thẩm định xem xét, trình duyệt Ban lãnh đạo Ngân hàng để kiểm duyệt. Công tác xử lý thông tin được thực hiện chuyên nghiệp qua việc sử dụng các phương pháp thẩm định với sự hỗ trợ của các phần mềm tính toán. Ngân hàng có hệ thống kết nối mạng nội bộ, rất thuận tiện cho việc trao đổi thông tin.

Công tác lưu trữ thông tin: Thông tin về từng dự án được để trong một hộp tài liệu riêng và được sắp xếp theo thứ tự thời gian nhằm đảm bảo dễ dàng cho việc tìm kiếm hồ sơ dự án khi cần thiết. Bên cạnh đó, dự án còn được lưu trữ trên máy tính của CBTĐ, nên thông tin được lưu trữ khá tốt.

b. Về mặt đội ngũ cán bộ

Đội ngũ nhân sự phục vụ cho công tác thẩm định hiện tại của Ngân hàng là đội ngũ cán bộ có thâm niên và kinh nghiệm lâu dài. Họ có tinh thần làm việc cao, linh hoạt và nhanh nhạy với công việc. Hàng năm, các CBTĐ thường xuyên được tham gia vào những khóa học, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Vì các loại

dự án mà Ngân hàng tiếp nhận thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nên CBTĐ được chia nhóm và chịu trách nhiệm một số lĩnh vực xác định. Việc chuyên môn hóa này cho thấy được hiệu quả trong công việc.

c. Về quy trình đánh giá rủi ro

Đa số dự án đầu tư xin vay vốn tại Ngân hàng được đánh giá rủi ro một cách kỹ lưỡng theo đúng quy trình nghiệp vụ. Việc đánh giá một cách chặt chẽ và khoa học giúp cho mức độ rủi ro của dự án giảm tối thiểu. Ngân hàng cũng luôn đảm bảo đánh giá đúng yêu cầu, đúng thời hạn thẩm định, nhanh chóng trả lời các khách hàng, giúp cho nhà đầu tư không bị bỏ lỡ cơ hội đầu tư.

d. Về phương pháp phân tích rủi ro

Ngân hàng đã áp dụng nhiều phương pháp trong thẩm định rủi ro nhằm xác định một cách chính xác nhất các rủi ro có khả năng xảy ra đối với dự án. Từ đó, đưa ra được những biện pháp trực tiếp, cụ thể cho từng rủi ro.

e. Về trình độ công nghệ

Nhìn chung hoạt động của hệ thống công nghệ đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý, phục vụ cho việc đánh giá rủi ro dự án. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng được xây dựng trên phần mềm chuyên dụng, có tính bảo mật cao. Các hệ thống công nghệ thông tin và phần mềm đều được trang bị bản quyền.

f. Về nội dung phân tích

Các rủi ro đầu tư được xem xét khá đầy đủ, đa dạng, gồm bảy loại rủi ro chung mà các dự án thường gặp phải: rủi ro cơ chế, chính sách; rủi ro thị trường, thu nhập, thanh toán; rủi ro kinh tế vĩ mô; rủi ro kỹ thuật, vận hành; rủi ro xây dựng, hoàn tất; rủi ro về môi trường xã hội.

2.4.2. Những tồn tại còn thiếu

a. Hạn chế về mặt thông tin

Công tác thu thập, xử lý thông tin ở Ngân hàng còn chưa được thực hiện tốt. Các thông tin mà cán bộ thẩm định sử dụng chủ yếu dựa vào nguồn thông tin mà khách hàng cung cấp hay chỉ mới xem xét doanh nghiệp và tìm kiếm ở trung tâm CIC của Ngân hàng Nhà nước. Chính vì thế, các nguồn thông tin về thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp, tác động của môi trường còn thiếu. Quá trình đánh giá từ đó chỉ mang tính hình thức mà thiếu sự tin cậy.

b. Hạn chế về cán bộ

Việc thẩm định còn có những hạn chế về mặt rủi ro đạo đức của cán bộ thẩm định. Có thể vì lợi ích cá nhân mà họ đã lấp đi một số rủi ro của dự án. Điều này dẫn đến chất lượng đánh giá rủi ro dự án đầu tư gặp nhiều thách thức. Bên cạnh đó, các cán bộ thẩm định còn chưa bắt kịp và thành thạo các phần mềm phân tích rủi ro.

c. Hạn chế về quy trình đánh giá

Quy trình đánh giá rủi ro của Ngân hàng còn chưa cụ thể và đầy đủ. Ngân hàng chưa có phân tích về cơ sở pháp lý của dự án. Ngoài ra, không phải tất cả các dự án đều được thực hiện đúng theo quy trình đánh giá đề ra. Ngân hàng dựa vào quy mô dự án và loại lĩnh vực dự án để tiến hành đánh giá dự án. Điều này dẫn đến không có sự thống nhất và chuyên nghiệp trong công tác.

Ngân hàng còn quá coi trọng việc bảo lãnh, thế chấp trong quyết định cho vay nên nhiều khi công tác thẩm định tài chính dự án không mang nhiều ý nghĩa thực sự.

d. Hạn chế về trình độ công nghệ

Ngân hàng chưa có phần mềm chuyên biệt hỗ trợ công tác thẩm định. Cán bộ thẩm định chủ yếu tính toán các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính bằng phần mềm excel. Với những dự án phức tạp thì đây là một trở ngại cho các cán bộ thẩm định.

e. Hạn chế về phương pháp đánh giá rủi ro

Ngân hàng chủ yếu tập trung sử dụng phương pháp phân tích rủi ro cho các rủi ro có tính định lượng. Còn các rủi ro mang tính chất định tính thì ít được đề cập và quan tâm. Với các phương pháp đánh giá rủi ro như phân tích độ nhạy, tình huống và mô phỏng chỉ dừng lại ở số ít kịch bản. Từ đó, kết quả đánh giá còn mang tính chất tổng quan, sơ sài, chưa tính toán một cách toàn diện.

f. Hạn chế về nội dung phân tích rủi ro

Các chủ dự án có xu hướng nâng cao mức tổng vốn đầu tư ban đầu để có thể vay được nhiều vốn của Ngân hàng hơn. Tuy nhiên, cán bộ thẩm định gặp khó khăn khi đánh giá được chính xác nhu cầu thực sự về vốn đầu tư của dự án do một số lĩnh vực liên quan đến máy móc, thiết bị hiếm. Bởi vậy, khả năng xảy ra rủi ro dự án về vốn đầu tư không hợp lý khá nhiều.

Các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí dự kiến của dự án rất khó tính toán. Hầu như các thông tin này dựa vào kinh nghiệm của cán bộ thẩm định, sự so sánh ở thị trường

hiện tại và ước tính hay chấp nhận dự toán của chủ đầu tư. Do đó, chủ đầu tư có thể tác động đến kết quả dự án bằng các điều chỉnh của mình.

Các chỉ tiêu tài chính được xem xét, tính toán trong thẩm định còn mang tính chưa chính xác.

Đánh giá tình hình tài chính dự án trong điều kiện rủi ro chưa thực sự được thực hiện cho dù để đưa một số phương pháp phân tích như phân tích độ nhạy vào quá trình thẩm định nhưng việc phân tích này mới chỉ dựa trên giả thiết chủ quan sự thay đổi của các nhân tố ảnh hưởng.

Việc xác định dòng tiền của dự án chưa chính xác, chưa thực tế còn phần lớn dựa vào những luận chứng kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp trình cho Ngân hàng...

Kết luận chương

Từ những phân tích ở chương 2, ta thấy một bức tranh rõ nét về thực trạng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank mà cụ thể là quy trình, kết quả, khó khăn của công tác thẩm định dự án; quy trình, phương pháp, nội dung đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án và nghiên cứu một tình huống cụ thể mà Ngân hàng đã đánh giá rủi ro. Chương này cũng đã đánh giá chất lượng của công tác đánh giá rủi ro tại Techcombank. Bên cạnh những kết quả đạt được thì còn tồn tại những hạn chế. Những hạn chế này cần phải sớm được giải quyết để hoàn thiện hơn công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank. Và chương 3 tiếp theo sẽ đưa ra một số giải pháp mà tác giả đề xuất để nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM

3.1. Mục tiêu định hướng hoạt động tín dụng năm 2013

Với những thành công và quá trình phát triển không ngừng trong suốt 20 năm hoạt động, Techcombank đã khẳng định được thương hiệu của mình trong tâm trí khách hàng và các đối thủ cạnh tranh. Thành công đó là nhờ các phương pháp quản lý, tư duy kinh tế đúng đắn, hợp lý; sự nỗ lực của các cấp lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của đơn vị; sự hỗ trợ của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, các Bộ ngành, chính quyền địa phương và các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng – Tài chính.

Tuy nhiên, thị trường luôn biến động, nhu cầu ngày càng cao và đa dạng nên hoạt động ngân hàng ở nước ta phải được tiếp tục đổi mới sâu sắc và toàn diện theo đường lối của Đảng và Nhà nước để thích nghi với cơ chế thị trường, phục vụ và thúc đẩy phát triển nền kinh tế đất nước, tăng cường khả năng hội nhập với quốc tế. Như vậy, nhiệm vụ của mỗi ngân hàng thương mại là phải tự tìm các tạo dựng và phát triển thế mạnh của mình, ngân hàng nào không tự đổi mới sẽ không có cơ hội tồn tại và phát triển.

Nhận thức rõ cơ hội và thách thức, Techcombank đã nghiên cứu, xây dựng cho mình một chiến lược phát triển lâu dài. Chiến lược này sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, mục tiêu chiến lược, xây dựng kế hoạch hành động phù hợp của ngân hàng.

Định hướng hoạt động cho vay

Duy trì và phát huy các biện pháp huy động vốn hữu hiệu, có khả năng cạnh tranh cao, nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi của dân cư và các doanh nghiệp, củng cố uy tín cao ở trong và ngoài nước để tranh thủ tiếp nhận được các nguồn vốn ủy thác của Nhà nước và các tổ chức nước ngoài. Có như vậy, Ngân hàng mới đầu tư được vào những dự án lớn, hay các ngành và các tổ chức kinh tế mũi nhọn của Nhà nước.

Căn cứ vào kết quả đạt được trong năm 2012 và tình hình thực tiễn, kế hoạch hoạt động kinh doanh của ngân hàng dự kiến năm 2013 với những mục tiêu: tăng 8% tổng tài sản lên 193.986 tỷ đồng; huy động vốn và tăng trưởng tín dụng ở mức 12%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3% trong khi lợi nhuận trước thuế tăng 52% lên 1.543 tỷ đồng.

Bảng 3.1. Kế hoạch tăng trưởng dư nợ cho vay năm 2013

Đơn vị: Triệu đồng.

Thứ tự	Chỉ tiêu	Dư nợ năm 2012	Dự kiến tăng trưởng năm 2013
I	Dư nợ theo thời hạn cho vay	68.261.442	76.452.815
	Ngắn hạn	36.446.276	41.281.522
	Trung hạn	16.425.411	18.396.460
	Dài hạn	15.389.755	16.774.833
II	Dư nợ theo ngành nghề kinh doanh	68.261.442	76.452.815
	Nông nghiệp và lâm nghiệp	6.390.450	6.837.782
	Thương mại, sản xuất và chế biến	24.140.768	27.037.660
	Xây dựng	5.173.547	5.483.960
	Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	874.100	978.992
	Cá nhân và các ngành nghề khác	31.682.577	36.114.422

(Nguồn: Phòng tín dụng – Hội sở chính Techcombank)

Định hướng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án

Đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án là một công tác được diễn ra theo quy trình, có sự tổ chức và kiểm tra rõ ràng nên việc đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng cũng phải có định hướng rõ ràng. Dưới góc độ ngân hàng nên có những định hướng sau:

- Đánh giá rủi ro dự án phải đứng trên quan điểm của người cho vay để xem xét tính khả thi, hiệu quả, khả năng trả nợ và tính rủi ro mà dự án mang lại.
- Công tác đánh giá rủi ro phải được quán triệt trong toàn hệ thống, từ phòng thẩm định ở Hội sở chính đến các chi nhánh.
- Đánh giá rủi ro phải được tiến hành thường xuyên và liên tục với tất cả các dự án xin vay vốn với cả 03 giai đoạn: trước, trong và sau cho vay.

Bên cạnh những thành tích mà Techcombank đạt được thì vẫn có những yếu điểm cần phải khắc phục. Qua những phân tích, đánh giá ở hai chương trước, chúng ta càng nhận thấy đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án là một công tác rất quan trọng với sự phát triển của ngân hàng. Để khắc phục những tồn tại, tác giả xin đưa ra một số giải pháp và kiến nghị dưới đây.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

3.2.1. Giải pháp về thông tin

Thông tin đóng một vai trò quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói chung và của hoạt động đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án nói riêng. Chính vì vậy, thông tin để đánh giá rủi ro phải thường xuyên được cập nhật và khai thác tối đa ở mọi nguồn. Có như vậy thì hoạt động tín dụng ngân hàng mới được đảm bảo an toàn.

Thứ nhất, ngân hàng cần tăng cường hệ thống thông tin nội bộ.

Ngân hàng cần ban hành một quy chế thông tin định kỳ cho các trung tâm, bộ phận thông tin của chi nhánh và trụ sở chính. Các thông tin cần được thông báo một cách nhanh chóng, chính xác và đầy đủ.

Thông tin mà ngân hàng thu thập được từ các chi nhánh sẽ được tổng hợp và phân loại theo ngành, lĩnh vực, khu vực khác nhau và theo khách hàng. Mặt khác, thông tin cũng cần được tổng hợp theo hướng:

- Thông tin về tài chính ngân hàng: các nghị định của chính phủ, thông tư, quyết định, quy chế của Bộ tài chính, Ngân hàng Nhà nước, các thông tin liên bộ.
- Thông tin về thị trường, giá cả: bao gồm nguyên vật liệu sản xuất, máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.
- Thông tin về kinh tế xã hội nói chung: các thông tin về chủ trương, kế hoạch chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trong nước cho các ngành công nghiệp, năng lượng, điện lực, tình hình xuất nhập khẩu, thuế suất...

Thứ hai là nâng cao chất lượng thông tin từ bên ngoài hệ thống ngân hàng.

Ngân hàng nên phát triển hệ thống thu thập thông tin bên ngoài thông qua việc kết nối mạng máy tính với Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại khác, các trung tâm thông tin trong nước cũng như quốc tế. Đây sẽ là kho dữ liệu lớn, có sàng lọc để ngân hàng khai thác.

Bên cạnh đó, để có thông tin chính xác hơn về tình hình tài chính, về quan hệ thanh toán... của chủ đầu tư, ngân hàng có thể khai thác thông tin từ cơ quan thuế, các bạn hàng của chủ đầu tư để từ đó so sánh, đối chiếu với thông tin do doanh nghiệp cung cấp.

Ngoài việc thu thập thông tin thì lưu trữ thông tin cũng là vấn đề quan trọng. Do nội dung đa dạng, thông tin thu thập từ nhiều nguồn nên cần phải xử lý một cách nhanh chóng, chính xác và hợp lý. Thông tin được xử lý xong thì cần được cán bộ lưu trữ lại để làm cơ sở tham khảo cho những lần đánh giá sau.

3.2.2. Giải pháp về cán bộ cả về số lượng và chất lượng

Hoạt động đánh giá rủi ro trong thẩm định không thể tiến hành nếu thiếu những cán bộ làm công tác thẩm định. Vậy nên, việc nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ này sẽ ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động thẩm định. Để làm được điều này, ngân hàng cần có những chiến lược dài hạn về nguồn nhân lực với yêu cầu và mục tiêu phát triển rõ ràng; đảm bảo cán bộ thẩm định vừa có kiến thức chuyên môn tốt, vừa có đạo đức nghề nghiệp. Một số giải pháp cần được chú ý như sau:

Về số lượng: Ngân hàng tiếp tục tổ chức các cuộc thi tuyển để đạt tới con số cần thiết, từ đó giảm bớt gánh nặng và cường độ công việc hiện nay. Khi áp lực và cường độ công việc giảm sẽ làm cho cán bộ thẩm định làm việc có hiệu quả hơn cũng như có thời gian nâng cao năng lực, kiến thức cho bản thân.

Về chất lượng:

Thứ nhất, ngân hàng cần coi trọng chất lượng ngay từ công tác tuyển dụng cán bộ. Điều này đòi hỏi quá trình tuyển dụng phải diễn ra một cách minh bạch, khách quan và công bằng. Nội dung thi phải đáp ứng được mục tiêu là lựa chọn người có năng lực thực sự.

Thứ hai là bố trí cán bộ một cách hợp lý. Các cán bộ thẩm định cần được phân thành các mảng phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng điều chuyển công tác cao. Ngân hàng phải kiên quyết trong việc loại bỏ những cán bộ thiếu năng lực, không có đạo đức nghề nghiệp.

Thứ ba, các chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ phải được xây dựng một cách phù hợp. Cán bộ thẩm định được đào tạo thường xuyên nhằm cập nhật kiến thức trong công tác, bao gồm cả kiến thức chuyên môn và kiến thức khác như pháp luật, kiểm toán, kinh tế vi mô, vĩ mô... Ngân hàng cần tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước, các cán bộ giàu kinh nghiệm để trao đổi, trao đổi hay chia sẻ kinh nghiệm làm việc, khắc phục khoảng cách chênh lệch về trình độ cũng như kinh nghiệm trong cả hệ thống.

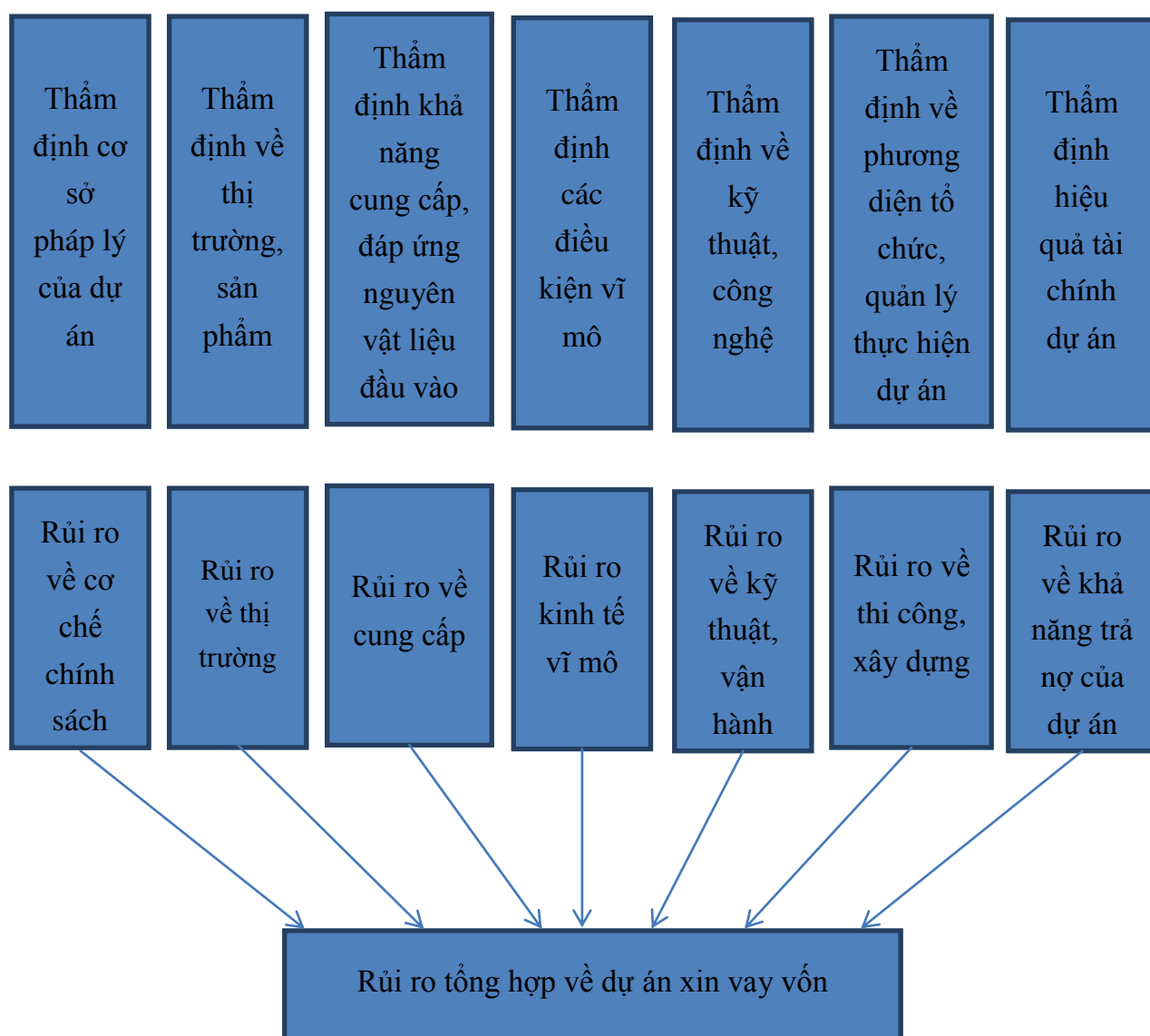
Thứ tư, ngân hàng cần có các chế độ đãi ngộ thích hợp. Các chính sách công đoàn tốt sẽ kích thích tinh thần làm việc, sự sáng tạo của nhân viên thông qua hoạt động khen thưởng, xây dựng chương trình phúc lợi cho cán bộ nhân viên...

Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một giải pháp tốt và là cơ sở để ngân hàng phát triển trong dài hạn. Nó không chỉ tác động tích cực tới công tác đánh giá rủi ro mà còn với mọi hoạt động khác của ngân hàng.

3.2.3. **Đẩy mạnh công tác hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro**

Qua ví dụ minh họa ở chương 2, chúng ta nhận thấy quy trình quản lý rủi ro trong hoạt động thẩm định dự án nhỏ của ngân hàng còn sơ sài. Bởi vậy, ngân hàng cần khắc phục bằng cách đánh giá rủi ro trên tất cả các khía cạnh của tất cả các dự án theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.1. Quy trình đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án



3.2.4. Đa dạng hóa các phương pháp phân tích rủi ro

Có thể thấy, ngân hàng chủ yếu sử dụng các phương pháp để phân tích các dữ liệu định lượng. Những yếu tố định tính chưa được đánh giá một cách cụ thể và có mối quan hệ ràng buộc với nhau. Để khắc phục hạn chế đó, ngân hàng có thể sử dụng các phương pháp định tính như: phương pháp ma trận SWOT, mô hình 05 lực lượng cạnh tranh của Porter...

Phương pháp ma trận SWOT: Phương pháp giúp người phân tích xem xét tất cả các cơ hội mà họ có thể tận dụng được, và bằng cách hiểu được điểm yếu cũng như thách thức của chủ đầu tư cũng như dự án, ngân hàng có thể quản lý và xóa bỏ các rủi ro. Điểm mạnh và điểm yếu thường là xuất phát từ nội tại trong tổ chức của mỗi doanh nghiệp. Cơ hội và thách thức thường liên quan tới những nhân tố bên ngoài. Vì thế, có thể coi SWOT là một công cụ quan trọng do có tầm quan sát lớn đối với một tổ chức.

Mô hình 05 lực lượng cạnh tranh của Porter: Nhận mạnh năm lực lượng cạnh tranh đe dọa đối với sản phẩm của dự án: cạnh tranh từ các dự án cùng lĩnh vực, đe dọa từ đối thủ tiềm ẩn, đe dọa từ phía khách hàng, đe dọa từ những sản phẩm thay thế và đe dọa từ nhà cung cấp. Cán bộ thẩm định nên áp dụng mô hình này để phân tích rủi ro đối với các dự án mà thị trường tiêu thụ có tính quan trọng hàng đầu.

3.2.5. Cải thiện về cơ sở vật chất, hạ tầng và trình độ công nghệ

Ngân hàng cần tiếp tục hoàn thiện đường truyền thông tin từ hội sở chính tới các chi nhánh bằng cách mua sắm thêm thiết bị công nghệ thông tin cho toàn hệ thống, mua sắm các phần mềm hỗ trợ bản quyền...Hiện đại hóa hệ thống công nghệ là một trong những ưu tiên nhằm tăng sức cạnh tranh cũng như tiết kiệm thời gian trong hoạt động đánh giá rủi ro nói riêng và dịch vụ tiện ích cho khách hàng nói chung. Đồng thời, ngân hàng cũng không ngừng nâng cao trình độ quản lý, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ của ngân hàng để bắt nhịp sự thay đổi công nghệ.

Kết luận chương

Trên cơ sở những phân tích ở chương 2 về thực trạng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank gồm những mặt được và những mặt hạn chế, chương 3 đã đưa ra một số giải pháp dựa trên định hướng hoạt động của Ngân hàng, nhằm nâng cao chất lượng đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank. Những giải pháp về cải thiện nguồn thông tin, cán bộ nhân viên, hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro, đa dạng hóa các phương pháp phân tích rủi ro và cải thiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin. Các giải pháp này mang tính hệ thống, cần được ngân hàng thực hiện một cách đồng thời và có sự giúp đỡ, tạo điều kiện từ phía ban lãnh đạo của Ngân hàng cũng như từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.

KẾT LUẬN

Trong suốt 20 năm hoạt động, Techcombank đã tài trợ có hiệu quả cho rất nhiều dự án đầu tư, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và ngành ngân hàng nói chung. Sự thành công đó không thể không nhắc đến vai trò của công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án. Song bên cạnh những mặt đã đạt được thì hoạt động đánh giá rủi ro vẫn còn những tồn tại và hạn chế nhất định.

Sau khi nghiên cứu về mặt lý luận và tìm hiểu thực tế công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại Techcombank, em đã đưa ra một số vấn đề cơ bản về chất lượng công tác đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án tại các ngân hàng thương mại, thực trạng của hoạt động này tại Techcombank, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng tại đơn vị.

Trong thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của các cán bộ và các anh chị trong Ngân hàng cùng với sự chỉ bảo, hướng dẫn của cô Trần Thị Thùy Linh. Tuy nhiên, đây là một đề tài có phạm vi rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, không những đòi hỏi kiến thức chuyên sâu mà cần sự hiểu biết rộng, sự nhạy cảm và kinh nghiệm. Do đó, bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

Sinh viên

Trần Thu Hà

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Mai Văn Bận, (2011), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại – Trường ĐH Thăng Long*, NXB Tài chính.
2. TS. Nguyễn Minh Kiều, (2011), *Tín dụng và Thẩm định tín dụng ngân hàng*, NXB Lao động xã hội.
3. Báo cáo thường niên của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam năm 2010-2012.
4. Bồi dưỡng nghiệp vụ tín dụng ngân hàng.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước số 46/2010/QH12.

Trang web:

<https://www.techcombank.com.vn/>

<http://www.vinacorp.vn/news/techcombank-du-kien-tang-gap-ruoi-loi-nhuan-trong-nam-2013/ct-543291>